



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018
Công ty cổ phần Văn hóa Tân Bình

Mục lục

I. Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

II. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát về Công ty
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Thành tựu đã đạt được
4. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động
5. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
6. Các rủi ro trong hoạt động

III. Định hướng phát triển Công ty

1. Phương hướng và những giá trị
2. Các mục tiêu chủ yếu của công ty
3. Các mục tiêu về phát triển bền vững

IV. Tình hình hoạt động trong năm 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
3. Tình hình tài chính
4. Tình hình nhân sự

V. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Phân tích tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

VI. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty

VII. Định hướng phát triển 2019

1. Tổng quan về doanh nghiệp - Sứ mạng và các lĩnh vực hoạt động chủ yếu
2. Định hướng năm 2019
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và các giải pháp

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Lương thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BKS và BGĐDH
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu và tình hình cổ phiếu ALT

IX. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo của Ban Điều hành
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
4. Bảng cân đối kế toán và các báo cáo hợp nhất.



X. Báo cáo phát triển bền vững

1. Cam kết của Ban lãnh đạo
2. Quá trình tiến đến phát triển bền vững
3. Vị thế hiện tại của công ty trong hành trình phát triển bền vững
4. Xác định trách nhiệm
5. Mối quan hệ với các bên liên quan
6. Chỉ tiêu ESG Môi trường
7. Chỉ tiêu ESG Xã hội
8. Chỉ tiêu ESG – Quản trị công ty



I. THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý khách hàng cùng toàn thể công nhân viên chức của Công ty ALTA;

Công ty Alta đã trải qua cuộc hành trình 30 năm (1989-2018) xây dựng và trưởng thành với nhiều cung bậc thăng trầm trong không gian kinh tế đầy biến động của Việt Nam và Thế giới; thay mặt HĐQT. Công ty ALTA tôi xin chân thành gửi tới quý cổ đông, quý nhà đầu tư, quý khách hàng cùng toàn thể công nhân viên chức của Công ty lòng biết ơn chân thành nhất : Xin ghi ơn quý cổ đông, quý nhà đầu tư đã luôn đồng hành cùng ALTA trên mọi nẻo đường ngay cả những lúc khó khăn thách thức; Xin ghi ơn quý khách hàng suốt con đường dài đã luôn tin cậy, thủy chung với sản phẩm ALTA và mãi mãi ghi ơn toàn thể công nhân viên chức đã toàn tâm toàn sức, đồng cam cộng khổ, gắn bó xây dựng vì mục tiêu phát triển ALTA với những chặng đường 9 năm rất đáng tự hào:

CHẶNG ĐƯỜNG THÀNH LẬP và KHẮNG ĐỊNH MÌNH (1989-1998)

ALTA được thành lập với tên đăng ký là Công ty Văn hóa và Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình trong bối cảnh nền kinh tế thị trường đang được định hình, là một Doanh nghiệp Nhà Nước thuộc UBND. Quận Tân Bình hoạt động trên lĩnh vực Dịch vụ Văn hóa trong 9 năm đầu tiên Công ty đã tự thân đứng vững trên đôi chân của mình và hoạt động hiệu quả...

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN và CỔ PHẦN HÓA (1999-2008)

ALTA là Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Quận Tân Bình và của Ngành Văn hóa Thông tin Việt Nam thực hiện cổ phần hóa; Vượt qua những khó khăn trở ngại của Người Tiên phong, tận dụng mọi cơ hội để liên tục phát triển và Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình đã niêm yết cổ phiếu có Ký Mã ALT trên thị trường Chứng khoán non trẻ của VN vào cuối năm 2006.

CHẶNG ĐƯỜNG BẢO TOÀN và CƠ CẤU LẠI (2009-2018)

Bước tới giai đoạn kinh tế toàn cầu đi vào khủng hoảng, tình hình quốc tế có những diễn biến phức tạp, nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Công ty cho nên trong chặng đường này ALTA đã chọn con đường “ An toàn phát triển “ và chững lại để tái cấu trúc Doanh nghiệp : Tạm thời ngưng đầu tư phát triển để tích cực chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh từ Công ty hoạt động đa ngành sang các Công ty hoạt động chuyên ngành nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả đầu tư đồng thời thay đổi phương pháp quản trị - điều hành Doanh nghiệp theo hướng hiện đại “ Khuyến khích chủ động, sáng tạo và hiệu quả trong mọi hoạt động công ty”;

CHẶNG ĐƯỜNG THAY ĐỔI ĐỂ TĂNG TỐC PHÁT TRIỂN (2019-2028)

Đến nay, Chúng ta đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ tổ chức lại Công ty và kết thúc tài khóa 2018 với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy ALTA đã sẵn sàng để bước sang một chặng đường mới với những nhiệm vụ mới như sau :

- Xác định mục tiêu chiến lược của ALTA là từng bước chuyển đổi toàn diện từ hoạt động kinh doanh truyền thống đến ứng dụng công nghệ tự động hiện đại, chuyển đổi kinh tế số; Xem đây là động lực tăng trưởng và đổi mới sáng tạo đồng thời trở thành một trong những công cụ chiến lược cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Công ty. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 đã và đang làm thay đổi nền sản xuất, tác động mạnh mẽ tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội.
- Xây dựng một hệ thống quản trị Công ty hữu hiệu nhằm để phát triển bền vững và xây dựng tư duy sáng tạo cho đội ngũ lãnh đạo thay thế tư duy truyền thống.
- Củng cố và duy trì Văn hóa Doanh nghiệp, Coi Văn hóa Alta là cốt lõi và là nền tảng cho sự phát triển.
- Quan tâm xây dựng và bảo vệ thương hiệu của sản phẩm Alta.
- Không ngừng đổi mới, sáng tạo để phát triển.

Kính thưa Quý vị,

Để thực hiện được mục tiêu trên Công ty chúng ta cần phải luôn chủ động thay đổi toàn diện, công việc này không hề dễ dàng chút nào vì con người luôn ngại “ NGẠI THAY ĐỔI, chỉ thích ở trong VÒNG AN TOÀN luẩn quẩn” của mình; Vì thế Công ty Alta luôn cam kết không ngừng đổi mới, mở rộng hợp tác để hướng tới tương lai, luôn trân trọng mọi đóng góp quý báu của Cổ đông và của đội ngũ công nhân viên chức Alta, luôn sẵn lòng chào đón các đối tác kinh tế và Quý khách hàng tiềm năng cùng chúng tôi chia sẻ những cơ hội đầu tư và kinh doanh; Sự ủng hộ và hợp tác của Quý vị là điều kiện tiên quyết cho sự thành công và phát triển bền vững của Công ty ALTA.

Một lần nữa, Hội Đồng Quản Trị Công ty ALTA xin kính gửi đến Quý vị lời chúc An lành, Hạnh phúc và Thành công trong đời sống.

Trân trọng kính chào.

HOÀNG VĂN ĐIỀU

II. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình

Tên tiếng Anh

ALTA COMPANY

Tên viết tắt

ALTA

LOGO



Giấy chứng nhận đầu tư số

61.725.230.000 đồng

Vốn điều lệ

211.545.328.764 đồng

Vốn đầu tư chủ sở hữu

Địa chỉ trụ sở chính

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại

084-28-38162885

Số fax

084-28-38162887

Email

alta@alta.com.vn

Website

www.alta.com.vn

Mã cổ phiếu

ALT



Quá trình hình thành và phát triển

1989

Tiền thân của Công ty ALTA là Công Ty Văn Hóa Tổng Hợp Tân Bình - một doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập từ năm 1989. Hoạt động theo cơ cấu “Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất” chủ yếu trong lĩnh vực văn hóa tại thị trường nội địa.

1992

Năm 1992 Công ty được đổi tên là Công Ty Văn Hóa và Dịch vụ Tổng Hợp Tân Bình. Hoạt động theo cơ cấu “Sản xuất - thương mại - dịch vụ”.

1998

ALTA là Doanh nghiệp đầu tiên của ngành Văn hóa Việt Nam thực hiện cổ phần hóa và được chuyển đổi thành CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH theo Quyết định số 3336/QĐ - UB - KT ngày 26/06/1998 của UBND Tp.HCM và Giấy chứng nhận ĐKKD số 064111 do Sở KH & ĐT Tp.HCM cấp ngày 31/08/1998 với vốn điều lệ ban đầu là 13.347.000.000 đồng.

1999

Đầu tư Dự án Sản xuất bao bì xuất khẩu, vốn đầu tư 12 tỷ đồng, công suất 2.400 tấn/năm, tăng thêm 120 lao động. Đầu tư Hệ thống chế bản tách màu điện tử, vốn đầu tư 03 tỷ đồng, công suất 50 triệu cm² phim/ năm, tăng thêm 20 lao động.

2000

Đầu tư Dự án Sản xuất hạt màu chủ, mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), với vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 30 lao động.

2001

Xây dựng Dự án di dời và đầu tư mới Nhà máy ALTA đặt tại KCN Tân Bình, tổng vốn đầu tư 80 tỷ đồng, trong đó xây dựng nhà xưởng và thuê đất 20 tỷ đồng, tăng thêm 200 lao động

2002

Đầu tư Dự án Sản xuất in trên hệ thống in offset 05 màu, vốn đầu tư 11 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA), nâng công suất in tối đa của Công ty từ 06 tỷ trang in lên 09 tỷ trang in/năm, tăng thêm 10 lao động.

2003

Đầu tư Dự án Sản xuất hóa chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, vốn đầu tư 3.5 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA).

2004

Đầu tư Dự án Sản xuất nguyên liệu ngành nhựa (hạt CaCO₃), mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 20 lao động.

2006

Đầu tư dự án Xây dựng trung tâm văn hóa thương mại Lạc hồng, vốn đầu tư 40 tỷ tại địa điểm 91B Phạm Văn Hai, Quận Tân Bình. “Ngày 22/11/2006, Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là DN đầu tiên thuộc ngành in ấn và bao bì xuất khẩu niêm yết cổ phiếu. Với Vốn điều lệ 13.347 tỷ đồng, ALTA chưa phải là DN mạnh về tài chính trong lĩnh vực nhiều cạnh tranh này, nhưng lại nổi tiếng là DN luôn tiên phong, cả về công nghệ lẫn sản phẩm.” (Trích đăng Báo Đầu tư chứng khoán số 47, ngày 20/11/2006).

2008

Ngày 02 tháng 02 năm 2008, ALTA Khánh thành và Khai trương Rạp ALTA 4D - MAX SUỐI TIÊN tại Khu Du Lịch Văn hóa Suối Tiên theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Văn Hóa Suối Tiên. Nhân dịp kỷ niệm 10 năm cổ phần hóa (1998-2008) ALTA Khánh thành và Khai trương Trung tâm thương mại & giải trí ALTA PLAZA ngày 26/7/2008 tại địa điểm 91 B2, Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tn Bình, TP.HCM với tổng diện tích sử dụng hơn 7.000 m2. Trong dịp này, ALTA cũng đưa vào hoạt động Rạp chiếu phim đa chiều cảm giác mạnh 3D TurboRide và khu c ông nghệ thể thao điện tử Laser Game – lần đầu tiên có tại Việt nam. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông 2008, tháng 12/2008 ALTA đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 để tăng Vốn điều lệ từ 39.951.250.000 đồng lên 49.339.050.000 đồng.

2009

Thành lập công ty liên doanh Đan-Việt giữa công ty ALTA và công ty FORMULA sản xuất thẻ thông minh (theo chương trình tài trợ Kết nối doanh nghiệp B2B giữa hai chính phủ Việt Nam và Đan Mạch) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông 2009, tháng 12/2009 ALTA đã hoàn tất việc trả cổ tức đợt 1 năm 2009 bằng việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100 :9 và tăng Vốn điều lệ từ 49.339.050.000 đồng lên 53.562.130.000 đồng.

2010

Khai trương 02 khu vực giải trí Laser Zone tại 02 địa điểm vui chơi giải trí Suối Tiên và Siêu thị Maximark 3T2. Khánh thành tòa nhà văn phòng cho thuê 284-286 Hoàng văn Thụ. Khai trương Trung tâm mua sắm Outlet Unique tại tòa nhà Alta Plaza trước đây với mô hình mua sắm hàng hiệu giá rẻ- lần đầu tiên có tại Việt Nam với qui mô lớn.

2014

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 4.918.520.000 tỷ đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 58.480.640.000 đồng.

2015

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 3.244.590.000 đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 61.725.230.000 đồng.

2016

Xây dựng Rạp Cinema Turboride và khu trò chơi giải trí Space Ship tại Khu du lịch Suối tiên.

2017

Thành lập Công ty TNHH MTV Phát triển phần mềm Âu Lạc (tháng 8/2017)

2018

Công ty Cổ phần In thương mại Quảng cáo Âu Lạc khai trương Văn phòng và Nhà máy mới tại địa chỉ Lô IV-7, Đường số 4, Nhóm CN IV, khu CN Tân bình.



2. Thành tựu đã đạt được

a. Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm

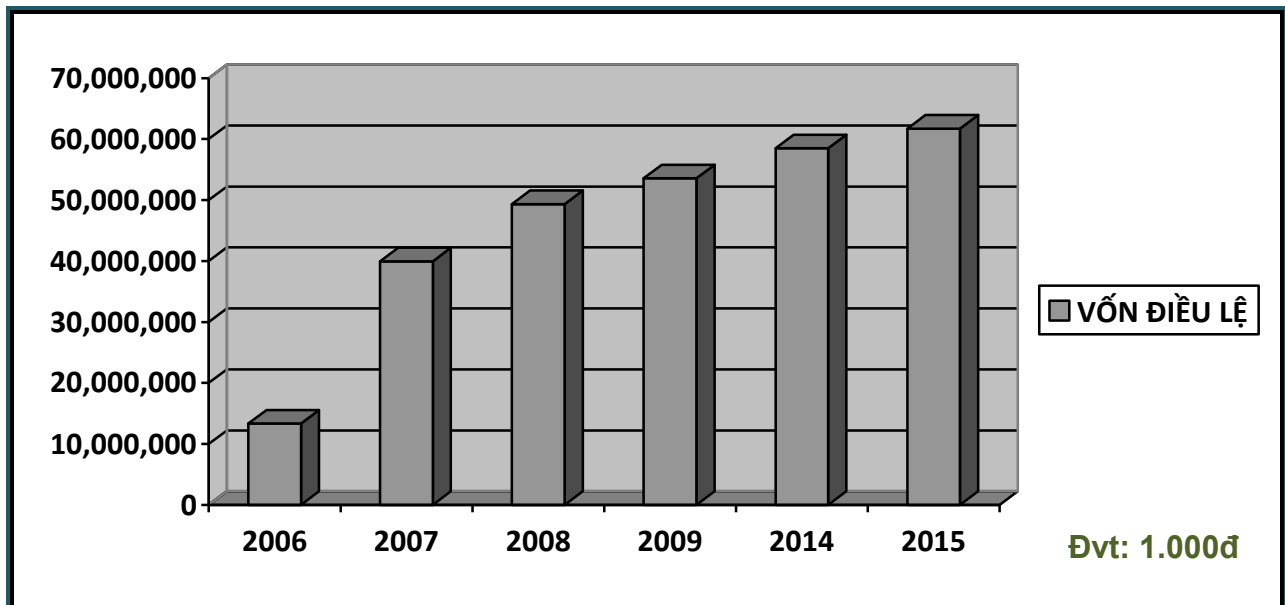
ĐVT: đồng

NĂM	DOANH THU	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	VỐN ĐIỀU LỆ	TỔNG TÀI SẢN
2006	154.472.771.368	3.189.192.665	13.347.000.000	138.611.197.023
2007	180.245.292.938	8.694.685.159	39.951.250.000	235.839.942.843
2008	188.125.545.576	10.757.491.608	49.339.050.000	248.135.793.077
2009	154.472.771.368	9.145.944.375	53.562.120.000	264.827.900.639
2010	141.326.100.730	6.625.396.768	53.562.120.000	268.364.377.358
2011	172.203.931.433	6.028.992.749	53.562.120.000	246.465.466.432
2012	136.888.499.871	(6.458.705.600)	53.562.120.000	230.589.058.666
2013	123.413.115.014	2.138.281.455	53.562.120.000	217.675.433.988
2014	132.621.747.720	938.863.426	58.480.640.000	221.777.552.892
2015	135.286.205.191	6.011.381.394	61.725.230.000	235.192.442.147
2016	129.104.983.617	5.795.920.627	61.725.230.000	224.604.123.621
2017	144.589.709.984	7.682.732.707	61.725.230.000	228.319.841.394
2018	156.829.819.565	7.494.992.753	61.725.230.000	251.119.236.363

b. Quá trình tăng vốn

ĐVT: đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ điều chỉnh	Vốn điều lệ lũy kế
2006	//	13.347.000.000
2007	26.604.250.000	39.951.250.000
2008	9.387.800.000	49.339.050.000
2009	4.223.080.000	53.562.120.000
2014	4.918.520.000	58.480.640.000
2015	3.244.590.000	61.725.230.000



3. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động

a. Ngành nghề

Ngành in: thực hiện các công đoạn từ trước in, in ấn và sau in đối với xuất bản phẩm và các loại ấn phẩm gồm: sách, báo, tạp chí, nhãn hàng, bao bì hàng hóa, brochure quảng cáo, tờ bướm, poster .v.v...

Ngành nhựa: sản xuất xuất khẩu các loại bao bì nhựa PE, các sản phẩm thân thiện môi trường như: bao bì nhựa tự phân hủy và các loại hợp chất nhựa như: hạt màu chủ (masterbatches), hạt nhựa CaCO₃.

Ngành dịch vụ văn hoá và giải trí: sản xuất và phát hành chương trình âm nhạc gồm các thể loại: thơ, ca, cổ nhạc, hòa tấu.v.v... dành cho mọi lứa tuổi; Quảng cáo đa phương tiện, các loại dịch vụ giải trí và chiếu phim đa chiều, công nghệ thể thao điện tử... Các hoạt động khác: sản xuất khăn giấy cao cấp, cho thuê mặt bằng, xây dựng công nghiệp .v.v...

b. Địa bàn

Trong nước: Tp.HCM và các tỉnh thành trong cả nước

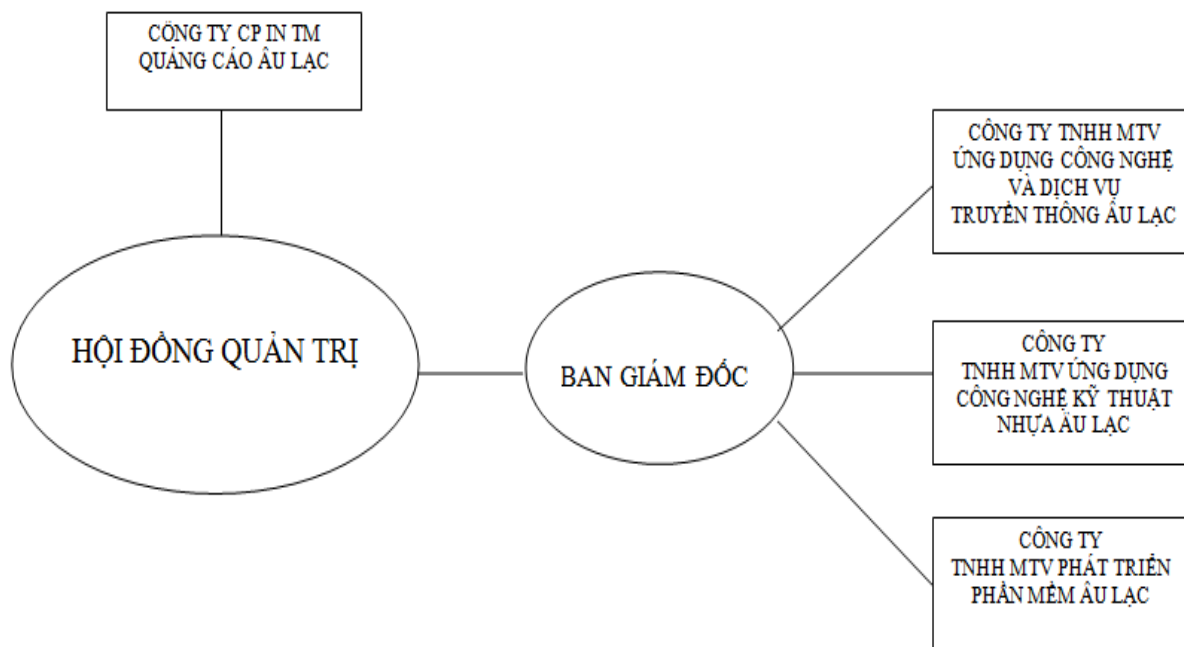
Ngoài nước: xuất khẩu đi các nước thuộc Châu Âu, Châu Á, Châu Úc, Châu Mỹ

Trong đó, địa bàn hoạt động thường xuyên và mang lại doanh thu lớn trong năm gần đây của công ty là TP.HCM.

4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý.

a. Mô hình quản trị

ALTA là công ty cổ phần hoạt động quản trị theo mô hình công ty mẹ – con. Về mặt tổ chức cả công ty mẹ và các công ty con đều theo hình thức quản trị 3 cấp: cấp công ty – cấp bộ phận và cấp chức năng. Riêng với các công ty liên quan và liên kết, Công ty ALTA là cổ đông góp vốn và tham gia trong Hội đồng quản trị của các công ty này.



	Công ty	Vốn điều lệ	Ngày thành lập
Công ty liên kết	Công ty Cổ phần In thương mại Quảng cáo Âu Lạc	10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)	27/11/2008
Công ty con	Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ và Dịch vụ truyền thông Âu Lạc (Alta Media)	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)	08/08/2008
	Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc (Alta Plastic)	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)	13/08/2013
	Công ty TNHH MTV Phát triển phần mềm Âu Lạc (Alta Software)	5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)	15/08/2017

b. Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Văn Điều - Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	1953
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
Tóm tắt quá trình công tác	Đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty từ năm 1989. Từ ngày 30/06/2014, Ông Điều không còn kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Hiện nay, Ông Điều là Chủ tịch HĐQT của ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	578.860 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,09% SLCP có quyền biểu quyết

Bà Lại Thị Hồng Diệp – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành	
Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tóm tắt quá trình công tác	Làm việc tại công ty ALTA từ năm 1989 đến nay với các chức vụ Kế toán trưởng năm 1989, Giám đốc Tài chính từ năm 2001, Giám đốc Điều hành từ năm 2006, Phó Tổng Giám đốc từ năm 2011. Hiện Bà Diệp là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	355.863 cổ phần chiếm tỷ lệ 6,20% SLCP có quyền biểu quyết

Ông La Thế Nhân - Thành viên HĐQT	
Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Bác sĩ Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
Tóm tắt quá trình công tác	Hiện là Giám đốc Công ty Cổ phần In - Thương mại - Quảng cáo Âu Lạc đồng thời là Thành viên HĐQT của ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	295.550 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,15% SLCP có quyền biểu quyết

Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thành viên HĐQT	
Năm sinh	1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ACB
Số cổ phiếu nắm giữ	Cá nhân 1670 cổ phiếu và Đại diện 1.051.244 cổ phiếu của Cy Địa ốc ACB

Ông Hoàng Minh Anh Tú - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành	
Năm sinh	1980
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Công nghệ thông tin tốt nghiệp tại Canada
Quá trình công tác	Giám đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc từ năm 2008, được bổ nhiệm Tổng giám đốc của ALTA từ 01/07/2014.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	28.595 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,50% SLCP có quyền biểu quyết

c. Ban Kiểm soát

Bà Thái Thị Phượng - Trưởng Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	Bà Phượng đã làm việc tại ALTA từ năm 1993 đến nay, hiện là Giám đốc tiếp thị của Công ty.
Số cổ phần sở hữu	24.147 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,42% SLCP có quyền biểu quyết. Đại diện vốn 230.000 cổ phần của công ty Liksin chiếm tỷ lệ 4% SLCP có quyền biểu quyết.

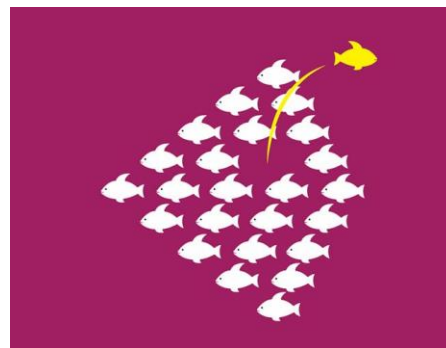
Ông Lê Quốc Thắng - Thành viên Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1962
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Quá trình công tác	Nguyên Giám đốc Trung tâm Băng đĩa nhạc Trùng Dương.
Số cổ phần sở hữu	72 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,013% SLCP có quyền biểu quyết

Bà Quách Thị Mai Trang - Thành viên Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Trung cấp Kinh tế - Kế hoạch
Quá trình công tác	Hiện nay là trưởng ban kiểm soát nội bộ của Công ty.
Số cổ phần sở hữu	2819 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,05% SLCP có quyền biểu quyết

d. Ban Giám đốc điều hành

Ông Hoàng Minh Anh Tú - Tổng giám đốc Xem tại phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị	
Bà Lại Thị Hồng Diệp - Phó Tổng giám đốc Xem tại phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị	

Ông Hoàng Minh Anh Tài - Phó Tổng giám đốc Kinh Doanh	
Năm sinh	1982
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh tốt nghiệp tại Canada
Tóm tắt quá trình công tác	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc từ năm 2008. Giám đốc công ty Alta Media. Phó Tổng giám đốc Kinh Doanh từ năm 2014.
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% SLCP có quyền biểu quyết



5. Các rủi ro trong hoạt động:

a. Rủi ro tỷ giá

- Với địa bàn hoạt động cả trong và ngoài nước cùng với nguồn nguyên liệu chủ yếu là hàng nhập, yếu tố tỷ giá ngoại tệ có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trong năm 2018 chỉ số giá đô la Mỹ không có biến động lớn (cao nhất là 23.380 đ; thấp nhất là 22.730đ)
- Công ty vẫn luôn theo sát diễn biến của tình hình thị trường ngoại tệ trong và nước để có biện pháp phòng ngừa rủi ro kịp thời.

b. Rủi ro lãi suất

- Sự biến động của lãi suất sẽ tác động đến chi phí tài chính Công ty phải trả cho các khoản phải trả cũng như các lợi nhuận nhận được từ tiền gửi ngân hàng, cho vay hoặc các công cụ tài chính khác. Hiện nay các khoản nợ tín dụng của công ty chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu tài sản, do đó rủi ro này chưa tác động đáng kể đến hoạt động của công ty.
- Đối với các khoản đầu tư tài chính của Công ty, xét về phương diện vĩ mô, sự thay đổi của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức mà công ty đầu tư, từ đó ảnh hưởng đến giá trị trường của các khoản đầu tư.
- Công ty luôn theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, động thái điều hành lãi suất, tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng, từ đó đưa ra các dự báo và có các quyết định kịp thời.

c. Rủi ro pháp luật

- Hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật kế toán, kiểm toán;.. Ngoài ra, Công ty đã niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội do đó Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan cũng tác động đến Công ty.
- Để đáp ứng sự thay đổi của nền kinh tế mở cửa, hội nhập, trong thời gian tới các quy định của Pháp luật sẽ còn nhiều điều chỉnh để đáp ứng kịp thời các quan hệ kinh tế phát sinh. Với rủi ro mang tính hệ thống này, Công ty đã có các biện pháp quản trị như: liên tục cập nhật các văn bản pháp luật, mỗi bộ phận có trách nhiệm nghiên cứu quy định liên quan đến lĩnh vực của mình và báo cáo cho Ban lãnh đạo về sự thay đổi ngay khi có thông tin; sử dụng dịch vụ tư vấn phù hợp.

d. Rủi ro khác

- Các rủi ro khác do thiên tai, hỏa hoạn ... có xác suất xảy ra thấp nhưng có thể gây thiệt hại lớn về cơ sở vật chất và con người, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Công ty chú trọng công tác bảo hiểm và bảo vệ tài sản.



III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phương hướng và những giá trị

a. Phương hướng

- Xây dựng thương hiệu Alta uy tín.
- Cam kết hợp tác chân thành.
- Tạo lập giá trị tốt nhất cho cổ đông và các thành viên.

b. Những giá trị

- Luôn tôn trọng sự chân thực.
- Sẵn sàng hợp tác và liên kết.
- Tổ chức thống nhất hành động.

2. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

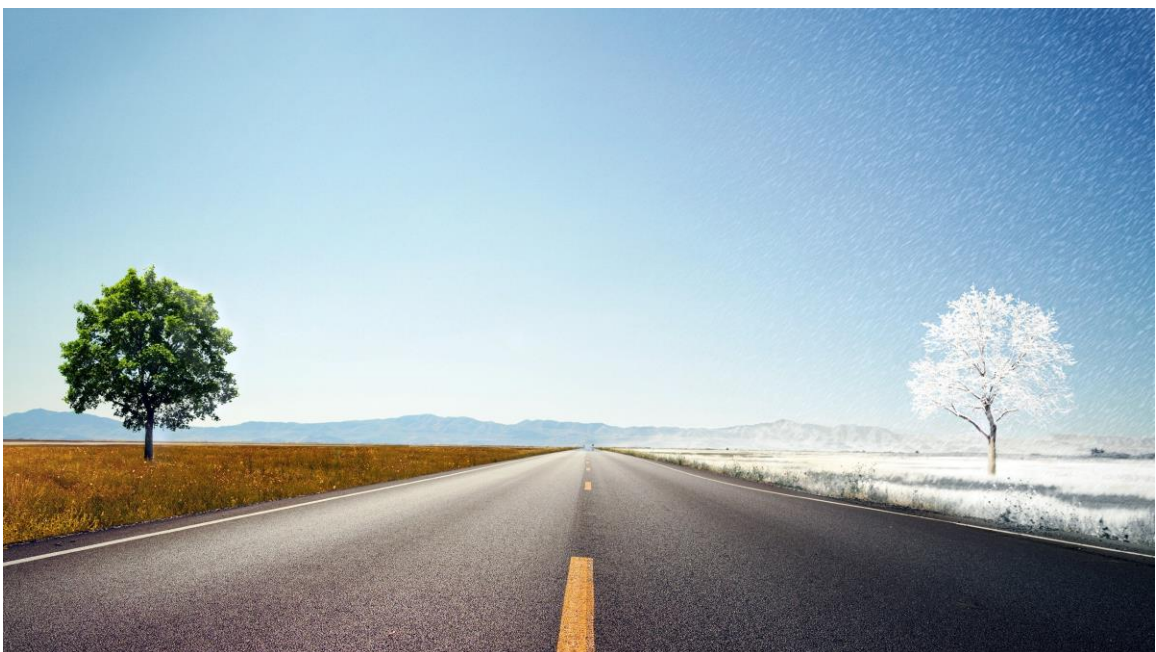
Chuỗi hành động hướng tới mục tiêu của ALTA chính là:

- Khuyến khích và đòi hỏi sáng tạo để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bảo đảm uy tín và chất lượng sản phẩm.
- Luôn luôn quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu ALTA.
- Thành công cùng đối tác: Trong suốt quá trình hoạt động, ALTA luôn quan tâm đến việc xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững dựa trên sự tin cậy và lợi ích hài hòa.
- Lấy hiệu quả làm nền tảng: ALTA luôn lấy hiệu quả làm nền tảng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để từ đó giúp công ty đạt được lợi thế cạnh tranh và góp phần xây dựng cộng đồng.
- Sẵn sàng thay đổi để sửa chữa, thích nghi và phát triển.

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội cũng như cộng đồng là một phần không thể thiếu. Vì vậy, Công ty đã đặt ra một số tiêu chí sau trong quá trình hoạt động của mình.

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường sống; áp dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất đối với môi trường. Sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm và hợp lý. Quản lý chất thải, khí thải, nước thải đúng qui định để chúng không ảnh hưởng đến môi trường.
- Tạo ra các sản phẩm bảo đảm sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng. Tuyển dụng và sử dụng lao động không chỉ tuân thủ các qui định của Luật lao động mà công ty còn tạo ra một môi trường lao động tốt hơn đồng thời phát triển các sinh hoạt nâng cao đời sống tinh thần. Không để xảy ra tình trạng bóc lột, lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em.
- Cùng góp phần xây dựng và phát triển cộng đồng địa phương, sẵn sàng san sẻ khó khăn với các hoàn cảnh đặc biệt trong địa bàn hoạt động của mình.
- Tôn trọng và tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động kinh tế và quản trị, bảo đảm minh bạch thông tin, đối xử bình đẳng với cổ đông và các thành viên trong tổ chức. Xây dựng tinh thần cạnh tranh lành mạnh và phòng chống tham nhũng trong hoạt động quản trị.



IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Số liệu

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	So sánh
Doanh thu thuần	144.589.709.984	156.505.952.367	108,2%
Lợi nhuận gộp	18.068.746.273	20,733,303,326	114,7%
Lợi nhuận từ HĐSXKD (bao gồm lãi / lỗ liên doanh liên kết)	5,719,347,373	7.005.807.525	122,5%
Lợi nhuận khác	297.644.104	(335.179.263)	
Lợi nhuận trước thuế	7.982.101.278	8.494.407.917	106,4%
Lợi nhuận sau thuế	7.682.732.707	7.494.992.753	97,6%
EPS	1.339	1.306	97,5%

- Tình hình chung của công ty năm vừa qua : Doanh thu thuần năm 2018 tăng 8,2% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ 2,4% so với năm trước . EPS đạt 1.306 đồng

Đvt: triệu đồng

NGÀNH	2016		2017		2018	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	5.924	497	4.316	255	3.364	332
Bao bì Nhựa	49.025	944	65.406	4.198	91.161	7.811
Khăn giấy, thương mại	14.612	3.480	17.401	3.059	6.506	835
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	59.544	15.315	57.467	10.556	55.206	11.755
Cộng	129.105	20.237	144.590	18.069	156.506	20.733

NGÀNH	TỶ TRỌNG 2016		TỶ TRỌNG 2017		TỶ TRỌNG 2018	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	4,59%	2,46%	2,98%	1,14%	2,32%	1,60%
Bao bì Nhựa	37,97%	4,67%	45,24%	23,23%	58,25%	37,67%
Khăn giấy, thương mại	11,32%	17,20%	12,03%	16,93%	4,16%	4,03%
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	46,12%	75,68%	39,74%	58,42%	35,27%	56,70%
Cộng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

- Năm 2018, doanh thu sản xuất in của công ty giảm do công ty thu hẹp ngành này.
- Doanh thu ngành nhựa tăng mạnh do bán hàng nội địa tăng.
- Ngành sản xuất giấy, thương mại doanh thu giảm.
- Ngành truyền thông, giải trí và các dịch vụ khác có tăng nhẹ.

b. Chiến lược kinh doanh

Trong năm 2018, Công ty đã có một số thay đổi trong chiến lược kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ như sau:

Tiếp tục chiến lược phát triển mạnh và sâu vào thị trường nội địa, công ty đẩy mạnh cung ứng mặt hàng truyền thống là bao bì đựng hàng ở các siêu thị và các tập đoàn bán lẻ mới, ngoài ra công ty vẫn phát triển sản xuất đều đặn các sản phẩm chuyên biệt / đa dụng như túi rác qui định màu cho các bệnh viện, tấm trải đa năng bằng nhựa cho sinh hoạt thường ngày, túi đựng thực phẩm an toàn, túi rác thơm có tác dụng khử mùi tại gia đình... Năm 2018 doanh thu ngành nhựa tăng cao do trong năm tuyển thêm nhân sự để mở rộng thêm thị trường, cụ thể KH mới tăng rất nhiều, tập trung vào các KH lớn.

Đối với thị trường nước ngoài, Công ty không ký hợp đồng gia công vì lợi nhuận thấp nhưng rủi ro cao, thay vào đó công ty đang chào các mặt hàng riêng để từng bước tiếp cận với các nhà phân phối mới.

Đối với mảng truyền thông, công ty với chiến lược cung ứng các mặt hàng công nghệ cao đi trước thị trường và kết hợp với nội dung sáng tạo, tương thích đã tăng được số lượng khách hàng mới với doanh thu tốt.

c. Sản phẩm mới, khách hàng mới, thị trường mới.

- Sản phẩm mới

- + Ngành nhựa : tự sản xuất máy cắt cơ hai dây dập quai tự động phục vụ nhu cầu sản xuất nội bộ và cung ứng ra thị trường bên ngoài. Nâng sản lượng túi rác lên 40% sản lượng bao bì nhựa sản xuất để tiếp tục mục tiêu trở thành nhà sản xuất hàng đầu của thị trường Miền Nam.
- + Ngành truyền thông : tập trung nghiên cứu các sản phẩm mới như Multi- layers Hologram, máy bán hàng tự động , phát triển kinh doanh lập trình thiết kế ra nước ngoài.

- Khách hàng mới:

- + Năm 2018 phát triển thêm các khách hàng :CTy Bách Hóa Xanh, Cty Phúc Thịnh, Cty Khánh Ngọc, Cty Cung ứng Gia Huy, Bệnh viện Bình Long, Chi nhánh Cty TNHH MTV TNI- CN Tân Uyên, Cty TNHH XNK TM Vietbuy247, Cty CP thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương, Cty TNHH Mai Phát Tiến.

- Thị trường mới

- + Mở rộng ra các tỉnh lân cận phía Bắc – ngành bao bì nhựa.
- + Về kinh doanh lập trình tương tác đã thực hiện các dự án tương tác tại các nước Châu Á như Singapore...

d. Nguồn cung cấp

- Ngành giấy tiếp tục nhập thêm các loại giấy mới để đa dạng sản phẩm.
- Nhập thêm hạt phụ gia ngành nhựa và hạt tái sinh nhằm giảm giá thành sản phẩm, giảm tỷ lệ phế liệu.



2. Tình hình đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Đvt: đồng

Năm 2018	Giá trị ALTA đầu tư đến 31/12/2018	Tổng tài sản
Công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	20.000.000.000	48.771.049.754
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20.000.000.000	70.394.057.997
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	15.879.991.532	50.707.519.180

Ngoài ra, Công ty còn có 122,3 triệu đồng đầu tư vào cổ phiếu của CTCP Dược Đồng Nai và CTCP Giấy Lệ Hoa.

3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	So sánh
Tổng Tài sản		228.246.041.394	251.119.236.363	110%
Doanh thu thuần	VND	144.589.709.984	156.505.952.367	108,2%
Lợi nhuận gộp	“	18.068.746.273	20.733.303.326	114,7%
Lợi nhuận từ Hoạt động SXKD (bao gồm lãi / lỗ liên doanh liên kết)	“	7.684.457.174	8.829.587.180	114,9%
Lợi nhuận khác	“	297.644.104	(335.179.263)	-112,6%
Lợi nhuận trước thuế	“	7.982.101.278	8.494.407.917	106,4%
Lợi nhuận sau thuế	“	7.682.732.707	7.494.992.753	97,6%
EPS	“	1.339	1.306	97,5%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	6,39	3,51	
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,84	2,42	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	8,48	15,76	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	9,27	18,71	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,08	3,88	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,63	0,62	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5.31%	4,79	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3.68%	3,54	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3.36%	2,98	
Hệ số Lợi nhuận từ hđ kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3.96%	4,48	

Các khoản nợ của Công ty chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn. Tính trên Vốn chủ sở hữu, nợ chiếm 18,71%. Đây là mức tăng thời điểm do công ty Nhựa nhập nhựa chính phẩm cuối năm. Công ty không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư của mình. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều rất tốt. Đa phần các khoản nợ phải trả phát sinh do quá trình sản xuất kinh doanh thông thường như người mua trả tiền trước hay các khoản còn phải trả cho người lao động.

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn giảm từ 6,39 lần năm còn 3,51 lần năm do công ty tăng vay ngân hàng để dự trữ nguyên liệu nhựa. Khả năng thanh toán nhanh của công ty do lý do trên nên giảm từ 4,84 còn 2,42 trong năm nay.

Qua bảng số liệu trên có thể thấy Công ty đang có tình hình tài chính ổn định và lành mạnh, đồng thời cần tập trung đẩy mạnh khâu kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, từ đó nâng cao khả năng sinh lời của Công ty hơn nữa.



4. Tình hình nhân sự

Tính đến 31/12/2018, Công ty có 221 lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2017	Tỷ lệ 2017	Số lượng 2018	Tỷ lệ 2018
I	Theo trình độ	229	100%	263	100%
1	Đại học	40	17,47%	40	15,21%
2	Cao đẳng	48	20,96%	66	25,10%
3	Trung cấp	21	9,17%	34	12,93%
4	Phổ thông trung học trở xuống	120	52,40%	123	46,77%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	229	100%	263	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	83	36,24%	109	41,44%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	139	60,70%	123	46,77%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	7	3,06%	31	11,79%

Chính sách đãi ngộ người lao động của Công ty gắn liền kết quả làm việc với lương thưởng. Năm qua công ty tiếp tục sử dụng công cụ KPI để đánh giá công việc. Ban lãnh đạo và các bộ phận nhân sự, tài chính kế toán đã cùng phối hợp để đảm bảo thanh toán lương cho CBCNV đúng thời hạn. Lương bình quân của Công ty năm 2018 đạt 8.313.979đ tăng 4,7 % so với năm trước.

ALTA đảm bảo việc thực hiện các quy định của Bộ Luật lao động về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện chế độ thai sản, nghỉ lễ tết, thời gian nghỉ ngơi... và các văn bản pháp luật liên quan để CBCNV có thể yên tâm làm việc. Ngoài ra công ty còn thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên, tổ chức tham quan nghỉ mát để tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong tập thể ALTA.

Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn lao động. Toàn bộ CBCNV của ALTA đều phải tham gia tập huấn phòng chống cháy nổ, thoát hiểm, sơ cấp cứu. Đối với khối sản xuất, công nhân và nhân viên phải mặc trang phục bảo hộ lao động, đảm bảo quy trình làm việc và tuân thủ sự giám sát của các cấp quản lý để giảm thiểu tối đa rủi ro xảy ra trong quá trình lao động.

Với một công ty có thời gian hoạt động lâu dài và định hướng phát triển dài hạn như ALTA, việc thiết lập văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại là hết sức cần thiết. Vì vậy mà những năm qua, Công ty đã rà soát lại chế độ đãi ngộ nhân viên, tạo dựng các giá trị văn hóa trong Công ty, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng không ngoài mục tiêu xây dựng ngôi nhà ALTA thân thiện, chuyên nghiệp và vững vàng.



V. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	2017	2018	TH 2018/2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	144.649.067.123	156.829.819.565	108%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	59.357.139	323.867.198	546%
-	Hàng bán bị trả lại	56.361.382	323.867.198	
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	144.589.709.984	156.505.952.367	108%
4	Giá vốn hàng bán	126.520.963.711	135,772,649,041	107%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.068.746.273	20,733,303,326	115%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.600.893.999	3.744.623.556	104%
7	Chi phí tài chính	329.705.613	764.926.900	231%
8	Chi phí bán hàng	5.029.290.178	5,412,912,219	108%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.591.297.108	11,294,280,238	107%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.719.347.373	7.005.807.525	122%
11	Thu nhập khác	494,552,703	17.871.847	4%
12	Chi phí khác	196,908,599	353.051.110	179%
13	Lợi nhuận khác	297.644.104	-335.179.263	
14	Phần lãi trong công ty liên kết	1.965.109.801	1.823.779.655	93%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.982.101.278	8.494.407.917	106%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	299.368.571	999.415.164	334%
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.682.732.707	7.494.992.753	98%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.339	1.306	98%

Với kế hoạch 7 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, năm qua Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội cổ đông đặt ra với các diễn biến sau:

- Giá vốn hàng bán tăng 7% trong khi doanh thu tăng 8% dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 15%.
- Chi phí bán hàng tăng 8% tương ứng với mức tăng doanh thu, công ty đẩy mạnh công tác kinh doanh tiếp thị, khuyến mãi, chi phí lương nhân viên tăng.

- Chi phí quản lý tăng 7% tương ứng với mức tăng doanh thu.
- Lợi nhuận thuần tăng 22%, lãi liên kết giảm 7% dẫn đến lợi nhuận trước thuế chỉ tăng 6%.

2. Phân tích tình hình tài chính năm 2018

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng tài sản	228.319.841.394	251.119.236.363	110%
Phân Tài sản ngắn hạn	120.111.424.249	138.728.019.710	115%
Tài sản dài hạn	108.208.417.145	112.391.216.653	104%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	52,61%	55,24%	105%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	47,39%	44,76%	94%
Tổng nợ	19.361.099.527	39.573.907.599	205%
Nợ ngắn hạn	18.811.099.527	39.573.907.599	211%
Nợ dài hạn	550.000.000	0	
Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	8,48%	15,76%	186%
Tổng nguồn vốn	228.319.841.394	251.119.236.363	110%
Vốn chủ sở hữu	208.958.741.867	211.545.328.764	101%
Vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn	91,52%	84%	92%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,31%	4,79%	90%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,68%	3,54%	96%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,36%	2,98%	88%
Hệ số Lợi nhuận từ hữ kinh doanh/Doanh thu thuần	3,96%	4,48%	113%



a. Phân tích tài sản

Tỷ suất đầu tư ngắn hạn năm 2018 tăng nhẹ từ 52,61% lên 55,24 % , tỷ suất tài sản dài hạn năm 2018 giảm từ 47,39% xuống 44,76 %. Những thay đổi này không đáng kể.

Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định là 2,74 lần. Đây là chỉ tiêu nói lên sự ổn định về tài chính của Công ty.

b. Phân tích nguồn vốn

Nợ ngắn hạn tăng 110,38% và đòn cân nợ tăng từ 0,09 lên 0,18.

Vốn chủ sở hữu có tăng nhẹ 1%.

c. Phân tích tình hình công nợ

Khoản phải thu ngắn hạn từ bán hàng tăng.

Khoản phải trả tăng .

Vòng quay các khoản phải thu là 5,14 vòng, số ngày trung bình để thu được khoản phải thu là 70 ngày là do công ty có chính sách trả chậm với 1 số tập đoàn bán lẻ lớn. Điều này cũng nói lên tình hình cạnh tranh mạnh mẽ trên thương trường.

d. Phân tích khả năng thanh toán

Tỷ lệ thanh toán hiện hành vẫn giữ ổn định ở mức 6,39 lần - đây là một tỷ lệ tốt về tài chính.

Tỷ lệ thanh toán nhanh giảm từ 4,84 xuống 2,42 lần – mức sụt giảm này mang tính chất thời điểm do hàng nhập tồn kho dự trữ cuối năm.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

a. Chính sách quản trị - điều hành :

Điều hành có kế hoạch cụ thể.

Nâng tầm ảnh hưởng của người lao động để có chính sách cụ thể.

Áp dụng công nghệ trong công tác điều hành.

Sẵn sàng truyền đạt để chuyển giao.

b. Chiến lược phát triển sản phẩm.

Mạnh dạn sản xuất sản phẩm mới.

Chấp nhận rủi ro để loại bỏ sản phẩm thoái trào.

Sử dụng công dụng và chất lượng làm thước đo giá trị sản phẩm.

c. Chiến lược tiếp thị khách hàng

Tiếp thị trên nhiều phương tiện, nhiều thời điểm và nhiều công thức.

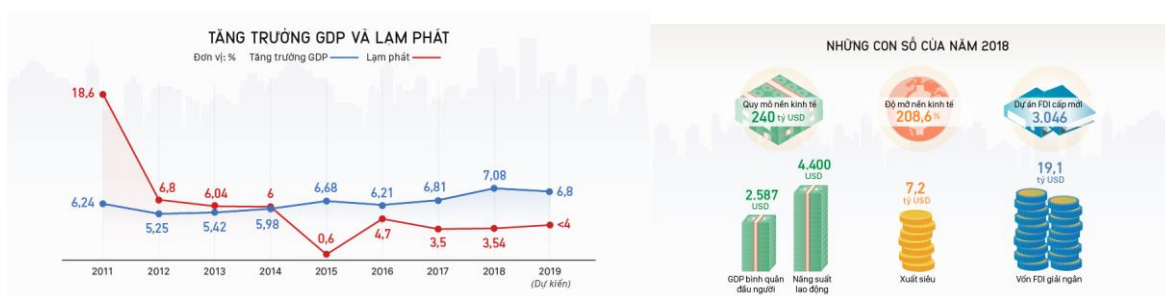
Hiểu suy nghĩ và hiểu khó khăn của khách hàng để linh hoạt giải quyết.

Xem trọng công tác hậu mãi để giữ khách hàng.

VI. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty



Năm 2018 tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 7,08% và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua, theo số liệu công bố của Tổng cục thống kê. Đặc biệt, chỉ số lạm phát của thị trường Việt nam trong năm được ghi nhận tăng từ 3,5% lên 3,54%. Và theo ông Ousmane – Giám đốc Ngân hàng Thế giới con số tăng trưởng cao nhất này đã đến từ chính sự "lắng nghe, chịu thay đổi của Chính phủ, bộ máy chính quyền".

Năm 2018 là năm thành công toàn diện của kinh tế Việt Nam, khi cả 12/12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt mục tiêu đề ra; bên cạnh đó là nhiều con số tăng trưởng kỷ lục đáng chú ý.

Năm 2018, HĐQT nhận thấy Ban điều hành đã nỗ lực ổn định và phát triển các ngành sx theo nhiều hướng mới, giữ vững thu nhập của các ngành dịch vụ khác, hoàn thành kế hoạch của ĐHCĐ đồng thời tạo tiền đề vững chắc cho công ty ở thập niên 2020 sắp đến.

a. Những điểm mạnh

- Đội ngũ lao động được trẻ hóa đã phát huy khả năng, sự năng động và sáng tạo. Hình thành được đội nhóm lao động kỹ thuật dám nghĩ dám làm, mạnh dạn chế tạo được các máy móc hỗ trợ sản xuất nhựa và tạo ra ngành kinh doanh mới.
- Phát triển sản phẩm công nghệ truyền thông theo hướng đón đầu xu hướng và cập nhật tiến bộ của thế giới đã tạo ra thế mạnh cạnh tranh về nội dung và chất lượng công nghệ riêng.

- Tình hình tài chính Công ty luôn lành mạnh và rất ổn định, không gặp khó khăn về tín dụng và luân chuyển vốn. Tuy nhiên điểm mạnh này nhìn ở một hướng khác lại chính là rào chắn cho sự bứt phá của “ cái khó”.
- Luôn phát triển doanh nghiệp thông qua việc kết hợp sức mạnh nội lực của Công ty với mối liên doanh hợp tác chân thành của các công ty con, công ty liên kết cũng như với các Nhà cung ứng và ngay cả với các Khách hàng.

b. Những điểm yếu

- Các sản phẩm dịch vụ giải trí trong những năm gần đây đã suy giảm mạnh và đi vào thoái trào.
- Vấn đề đào tạo nhân sự tại chỗ tuy đã được chú trọng và nâng lên tầm cần thiết và cấp bách, đặc biệt là cho cấp quản trị dự án nhưng vẫn chưa đáp ứng được mong muốn chuyên hóa các cấp quản trị trung gian.
- Năng suất và điều kiện lao động chưa đồng đều trên các lĩnh vực đã trở thành rào cản cho việc tích lũy vốn và tăng thu nhập cho toàn bộ các thành viên.
- Công tác thông tin báo cáo cũng chưa đạt yêu cầu thông suốt và kịp thời.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty

Trước tình hình của năm 2018, Ban giám đốc điều hành công ty (BGĐĐH) đã nhanh nhạy và mạnh dạn trong việc thay đổi tư duy kinh doanh để ổn định sản xuất, phát triển sản phẩm mới đặc biệt là sản phẩm công nghệ ngành truyền thông. Cùng với toàn thể công nhân viên Công ty, Ban giám đốc điều hành đã có một năm hoạt động hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ.

Một số thành quả được ghi nhận như sau:

- Ổn định sản xuất, tăng cường công tác tiếp thị và gia tăng chăm sóc khách hàng tạo đà tăng trưởng doanh thu cho tất cả các sản phẩm của công ty.
- Tận dụng tối đa các nguồn lực để đảm bảo giá thành và định mức lợi nhuận trong hoàn cảnh biến động của các giá trị đầu vào.
- Công ty đã xây dựng và triển khai đồng bộ các chính sách đào tạo và đãi ngộ cho người lao động trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp nên đã giảm thiểu được biến động nhân sự trong năm.

Hội đồng quản trị tin tưởng rằng nếu chú ý tập trung khắc phục các điểm yếu trên đây, BGĐĐH sẽ sớm tạo được bước bứt phá trong sxkd để mạnh dạn phát triển công ty.

Chỉ tiêu đánh giá hoàn thành kế hoạch	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So sánh
Lợi nhuận trước thuế	8.000.000.000	8.494.407.917	106%
Lợi nhuận sau thuế	7.000.000.000	7.494.992.753	107%
Chia cổ tức	8%	8%	100%



VII. KẾ HOẠCH NĂM 2019

Nền kinh tế Việt nam năm 2019 được chính phủ nhận định sẽ bước vào bối cảnh trong nước, quốc tế đều phức tạp, khó lường với thời cơ, thách thức đan xen nhau.

Bởi đây là thời điểm kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, chiến tranh thương mại, biến động tỷ giá, lãi suất, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ gia tăng. Mặt khác, những thách thức an ninh phi truyền thống ngày một nặng nề hơn, cuộc cách mạng 4.0 cũng tác động mạnh mẽ trên nhiều phương diện.

Còn ở trong nước, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều tồn tại, yếu kém. Trong đó, cần nhấn mạnh đến việc cải thiện chất lượng tăng trưởng còn chậm, chưa bền vững, năng suất lao động, cạnh tranh thấp...

Tuy nhiên, năm 2019 lại là năm đặc biệt Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 6,8%, đạt ngưỡng cao trong mục tiêu 6,6 - 6,8% mà Quốc hội đề ra.

Thực tế nền kinh tế trong nước đang phải đối diện với một số thách thức. Đơn cử như tăng trưởng kinh tế ngày càng phụ thuộc vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Tăng trưởng tín dụng và cung tiền ở mức cao sẽ khiến kéo dài tiềm ẩn rủi ro về nợ quốc gia và mất ổn định kinh tế vĩ mô.

Bên cạnh đó, tài chính quốc gia có độ mở cao hơn trình độ phát triển của nền kinh tế và câu chuyện tỷ lệ nợ công cao, nghĩa vụ trả nợ lớn cũng là những vấn đề gây ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế mà Chính phủ cần lưu tâm trong giai đoạn 2019 – 2020.

Với địa bàn hoạt động chủ yếu ở khu vực TP.HCM và tập trung vào những sản phẩm cốt lõi như in ấn, bao bì, dịch vụ kỹ thuật cao và giải trí thì ALTA có nhiều triển vọng hơn so với toàn thị trường vì đây là khu vực kinh tế năng động nhất cả nước. Năm 2019 mang một ý nghĩa lớn đối với các thành viên ALTA, đó là năm kỷ niệm 30 năm thành lập công ty.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 được xây dựng dựa trên các căn cứ từ tình hình thực tế của doanh nghiệp, từ nhận định và phân tích môi trường kinh doanh để nhìn nhận được những điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội và thách thức của Công Ty trong thời gian tới. Trên cơ sở đó đề ra định hướng kinh doanh, các chỉ tiêu kế hoạch và biện pháp thực hiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công Ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, mang theo nhiều lợi ích hơn cho các cổ đông và người lao động Công Ty.

a. Xác định vị thế công ty năm 2019

- Sản phẩm ngành nhựa của công ty là bao bì nhựa tự hủy, bao bì chuyên dùng và sản phẩm nhựa mềm đa năng rất phù hợp nhu cầu thị trường và thân thiện với môi trường. Công ty Nhựa Âu Lạc đã xây dựng được đội ngũ kỹ thuật đã chế tạo thành công một số máy chuyên dùng hỗ trợ sản xuất và cung ứng ra khách hàng bên ngoài.
- Công ty Alta Media đã trở thành nhà cung cấp uy tín và chuyên nghiệp cho hệ thống thông tin viễn thông và công nghệ lập trình điện tử.

- Alta Media đã thành công khi xây dựng một số dòng sản phẩm mới như hệ thống đèn LED quảng cáo đi kèm với nội dung sáng tạo và tương thích, hiện đứng thứ hai về cho thuê LED có nội dung tích hợp tại Tp. HCM.
- Alta Media cũng là công ty đứng trong top đầu các doanh nghiệp cung cấp phần mềm tương tác và công nghệ mô phỏng chuyển động không gian thực...
- Sản phẩm ngành in của công ty là sản phẩm in bao bì ngành dược và sản phẩm bao bì cao cấp bảo đảm chất lượng tốt và đồng đều ngay cả lô hàng số lượng lớn đặc biệt là Công ty In Âu Lạc đã khẳng định được đẳng cấp và thế đứng vững vàng trong thị trường đầy cạnh tranh của ngành in.
- Công ty cũng hiện đang sản xuất hàng loạt các nhãn hàng khăn giấy và bao bì mang thương hiệu của các tập đoàn thương mại lớn như Metro, Âu Lạc...
- Nguồn bất động sản Công ty sở hữu đang chờ các dự án kích hoạt và kế hoạch triển khai đúng thời cơ và hiệu quả.

b. Cơ hội

- Sản phẩm bao bì nhựa phân hủy sinh học và bao bì nhựa Alta đã được Bộ Tài Nguyên & Môi Trường cấp giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện môi trường.
- Công ty Nhựa Âu Lạc đã được Sở Y tế Tp.HCM. xác nhận việc công bố hợp quy của sản phẩm bao bì nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Sản phẩm bao bì in ấn đặc chủng ngành dược của Công ty In Âu Lạc xây dựng đạt chuẩn phù hợp GMP.
- Các sản phẩm dịch vụ công nghệ truyền thông, quảng bá sự kiện có tính cạnh tranh của Công ty Alta Media có nhiều cơ hội trong năm 2019 do tính chuyên biệt và hiện đại..
- Sự ra đời và lớn mạnh của các tập đoàn bán lẻ mới sẽ trở thành một trong những kênh tiêu thụ thêm vào của sản phẩm Alta.
- Nền tài chính lành mạnh, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án sản phẩm và dịch vụ mới.

c. Những thách thức

- Năng lực cạnh tranh gia tăng do sức mua giảm, các loại chi phí đầu vào tiếp tục tăng trong năm 2019, công nghệ mới tự động hóa mới được đầu tư, công nhân lao động năng suất chưa cao, kỹ năng quản trị cấp quản trị trung gian còn yếu... sẽ là những yếu tố phải quan tâm hàng đầu của Ban Điều hành.
- Một số mặt bằng đang kinh doanh của công ty sẽ phải bị cắt giảm diện tích do nằm trên qui hoạch của các dự án cấp quốc gia như tuyến metro số 2, số 5...



d. Mục tiêu năm 2019

1. Tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng phát triển bền vững.
2. Nâng cao thu nhập cho người lao động đồng thời bảo đảm mức chi trả cổ tức cho cổ đông.
3. Đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới và công nghệ mới.
4. Công tác quản trị phải bảo đảm thông tin xuyên suốt và khả năng phân tích – dự báo tốt.
5. Tiếp tục tái cấu trúc công ty ALTA: Xây dựng đề án cổ phần hóa ALTA MEDIA.
6. Thiết lập các dự án đầu tư phát triển Công ty giai đoạn 2019-2022 bao gồm :
 - + Dự án Đầu tư Xây dựng Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển Công nghệ 4.0 tại 86/33 Âu Cơ Phường 9, Quận Tân Bình.
 - + Dự án Xây dựng và khai thác các bất động sản hiện hữu của Công ty.

e. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và các giải pháp

1. Kế hoạch
 - Tiếp tục phát triển và nâng cao tỉ trọng ngành truyền thông và công nghệ thông tin. Tập trung đầu tư Trí tuệ nhân tạo (AI- artificial intelligence). Phát triển công nghệ màn sương, nhạc nước, máy bán hàng tự động. Thực hiện dự án trình chiếu nhạc nước tại Khu giải trí Đầm Sen.
(Một số video clip và hình ảnh
AI nhân diện khuôn mặt: https://drive.google.com/open?id=1dvtclwre0ZFn-h-7UIz_sMOhW26Dxj7g
Các booth tương tác và touch kiosk:
<https://drive.google.com/open?id=1-GxlxqkG0l3swQo6fo6jeMTVEFAMaiMt>
Màn sương: <https://drive.google.com/open?id=10t8pJGtgVW1Ez4DfnHYtb1LXxuM2P4T0>)
 - Tái cơ cấu ngành nhựa và ngành bao bì với định hướng xác định mặt hàng chủ lực là túi rác các loại đồng thời phát triển mạnh lĩnh vực sản xuất máy móc chuyên dùng tạo tiền đề cho việc cơ khí hóa, tự động hóa.
 - Tập trung phát triển kinh doanh các sản phẩm truyền thống của công ty. Thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt, cạnh tranh và mua bán bảo đảm an toàn trong thanh toán.
 - Tập trung hàng đầu cho công tác tiếp thị để phát triển rộng và sâu hơn trên thị trường có sẵn và mở rộng thị trường đến các tỉnh lân cận trên cơ sở những sản phẩm chuyên dụng và đa năng.
 - Chú trọng công tác quản trị nội bộ, kiểm tra giá thành và định mức tiêu hao nhằm kiểm soát chi phí, hạ giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh trên thương trường.
 - Đưa các bất động sản đang nắm giữ vào hoạt động ổn định và hiệu quả.

2. Các giải pháp

- **Thay đổi tư duy sản xuất kinh doanh**

Tư duy điều hành

- Loại bỏ điều hành ngẫu hứng thay bằng điều hành có điều kiện.
- Tập trung vào việc quan trọng để tránh lãng phí thời gian.
- Thay đổi thông tin theo hướng truyền tải minh bạch, hai chiều và theo hướng mục tiêu chung.
- Tinh giản quá trình để tối ưu hóa tài nguyên
- Lưu trữ dữ liệu kinh nghiệm để tránh lãng phí thời gian.

Tư duy về lao động

- Phải sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao.
- Đào tạo những con người lao động có chất lượng cao và dám thay đổi lối mòn.
- Ưu tiên 1 cho công tác nguồn nhân lực.
- Xây dựng kỹ năng lao động cần thiết : suy nghĩ tích cực – kiểm soát hành động – tập trung cơ hội và tự tạo tiềm năng.

Tư duy về khách hàng

- Hiểu khách hàng để sản xuất sản phẩm.
- Không ngại tương tác với khách hàng để tìm hướng đi chung.
- Mạnh lại lợi ích hợp lý cho khách hàng và cho doanh nghiệp.

- **Ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh:**

- Mạnh dạn đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển để sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đón đầu xu hướng mới của thị trường về các sản phẩm nhựa sinh học, các sản phẩm an toàn, thân thiện với môi trường.
- Ứng dụng các kết quả nghiên cứu phát triển các sản phẩm công nghệ vào trong hoạt động sản xuất của các công ty thành viên.
- Đầu tư chuyên sâu phát triển các giải pháp công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực giải trí, bán lẻ, sản xuất để phục vụ cho các công ty thành viên trong giai đoạn mới.
- Thực hiện chính sách khuyến khích sáng tạo, tạo điều kiện và thúc đẩy sáng kiến của người lao động để cải tiến qui trình sản xuất tinh gọn và hiệu quả hơn.
- Xây dựng các đề án phát triển các sản phẩm hàng hóa công nghệ mới
- Tăng cường quảng bá thương hiệu theo hai hướng từ bên ngoài thị trường và chính từ bên trong chất lượng sản phẩm cũng như lợi ích nhận được của người tiêu dùng.

- **Quản trị đầu tư và tài chính**

- Xây dựng cơ cấu cổ đông hợp lý, tăng cường sự tham gia của cổ đông .
- Kiểm soát mối quan hệ vốn đầu tư và chi phí tài chính trên cơ sở hiệu quả sau cùng.
- Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, kiểm tra giá thành và định mức. Bảo đảm an toàn trong thanh toán.
- Tăng cường khai thác, đầu tư ở các lĩnh vực đạt hiệu suất sử dụng vốn cao nhất.

- Xem xét lại việc sử dụng bất động sản của Công ty một cách hiệu quả và phù hợp xu thế của tiêu dùng xã hội.
- Đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao năng lực hoạt động cho Công ty con và công ty liên kết.
 - **Quản trị nhân sự và điều hành**
- Xây dựng và phát huy môi trường làm việc thân thiện, có bản sắc văn hóa riêng, tạo phong cách làm việc theo nhóm để phát huy sức mạnh chung.
- Tiếp tục phát triển và kiện toàn bộ máy vận doanh, áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo vào quản lý để tạo ra hệ thống quản trị đồng nhất và nhất quán
- Tăng cường đào tạo các thành viên về sự nhận thức, lòng nhiệt huyết, sự hiểu biết chuyên môn, tay nghề và khả năng hành động nhằm tạo dựng một đội ngũ nhân sự chất lượng cao.

- **Quản trị rủi ro**
- Dự báo và hạn chế rủi ro, dự phòng tốt biến thử thách thành cơ hội.
- Kiểm soát chặt chẽ dự án từ giai đoạn thành lập, tiến độ xây dựng, hoạt động và hiệu quả định kỳ.
- Xác định vòng đời sản phẩm nhằm có kế hoạch phát triển sản phẩm mới khi sản phẩm truyền thống đi vào thoái trào.

f. Các chỉ tiêu tài chính 2018

Đvt : VNĐ

Chỉ tiêu đánh giá kế hoạch	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019
Lợi nhuận trước thuế	8.494.407.917	9.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế	7.494.992.753	8.000.000.000
Chia cổ tức	8%	9%



VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hoàng Văn Điều	Chủ tịch	Không điều hành
2	Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch	Kiểm Phó Tổng giám đốc
3	La Thế Nhân	Thành viên	Không điều hành
4	Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	Không điều hành
5	Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên	Tổng giám đốc

b. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ chuyên trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

c. Hoạt động của HĐQT

Trong năm HĐQT có 04 cuộc họp định kỳ và 05 cuộc họp theo yêu cầu phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	HOÀNG VĂN ĐIỀU (Chủ tịch)	9/9	100%
2	LẠI THỊ HỒNG ĐIỆP (Phó Chủ Tịch)	9/9	100%
3	LA THẾ NHÂN (Thành viên)	9/9	100%
4	NGUYỄN MINH TUẤN (Thành viên)	9/9	100%
5	HOÀNG MINH ANH TÚ (Thành viên)	9/9	100%

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị :

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	02/03/NQHĐQT/2018	05/03/2018	V/v tổ chức ĐHCĐ năm 2018.
02	02/04/NQHĐQT/2018	09/04/2018	Thông qua nghị quyết và các vấn đề trình bày trong việc tổ chức ĐHCĐ năm 2018.
03	01/07/NQHĐQT/2018	13/07/2018	V/v Phê duyệt Cty Kiểm toán.

d. Đào tạo về quản trị công ty:

- Tham dự “ Hội nghị Doanh nghiệp thường niên 2018” do Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội tổ chức ngày 27/10/2018 tại Quy Nhơn.

e. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám Đốc

- Hàng quý xem xét báo cáo điều hành và báo cáo tài chính của BGD công ty.
- Rà soát việc thực thi chiến lược của BGD.
- Truyền đạt những yêu cầu và mong đợi của HĐQT cho kỳ kinh doanh tới.
- Kiểm chứng lại mức độ chính xác của các thông tin mà BGD cung cấp.
- Dự báo rủi ro có thể xảy ra và yêu cầu BGD có biện pháp phòng chống cụ thể.
- Kiểm tra các hoạt động Kiểm soát nội bộ.

f. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- Các thành viên HĐQT không điều hành cùng tham gia các phiên họp định kỳ bất thường và thực thi trách nhiệm của mình cùng với các TVHĐQT khác.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Thái Thị Phương	Trưởng Ban
2	Lê Quốc Thắng	Thành viên
3	Quách Thị Mai Trang	Thành viên

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
01	Bà THÁI THỊ PHƯƠNG	Trưởng ban	4/4	100%
02	Ông LÊ QUỐC THẮNG	Phó ban	4/4	100%
01	Bà QUÁCH THỊ MAI TRANG	Thành viên	4/4	100%

- Hoạt động của Ban kiểm soát tuân theo quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Trong năm 2018, Ban Kiểm soát tiến hành các cuộc họp định kỳ vào hàng quý để đánh giá tình hình tài chính, hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và sự phối hợp giữa các bộ phận này. Trong trường hợp đặc biệt và khẩn cấp, BKS tổ chức các cuộc họp bất thường để thống nhất kịp thời về phương án giải quyết vấn đề nảy sinh. BKS tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và góp ý kiến của mình theo nguyên tắc trình tự của cuộc họp.

c. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát việc thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, khai thuế hàng tháng, báo cáo tài chính.
- Kiểm tra và xác nhận Báo cáo Tài chính 2018 phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành.

d. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Phối hợp với HĐQT-BGD-Các cán bộ quản lý về việc xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.
- Góp ý hoàn thiện việc báo cáo định kỳ của các đơn vị trực thuộc.

3. Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BGDĐH và BKS

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

- Lương thưởng và thù lao của HĐQT, BGDĐH và BKS thực hiện theo quy chế lương thưởng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và các quy chế về đánh giá hoạt động khác.
- Trong năm 2018, tổng thù lao HĐQT nhận được là 300 triệu đồng và tổng thù lao Ban kiểm soát nhận được là 60 triệu đồng. Ban giám đốc điều hành nhận lương theo quy chế lương và thỏa thuận lao động với Công ty.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm các thành viên HĐQT không thực hiện mua/bán cổ phiếu.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không phát sinh

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu và tình hình cổ phiếu ALT

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ALT chốt sổ ngày 28/3/2018 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam

a. Cổ phần

Vốn điều lệ: 61.725.523.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 6.172.523 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Cổ phiếu thường: 6.172.523 cổ phiếu

- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.736.709 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 435.814 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu / VDL
I	Cổ đông trong nước	458	5.968.183	96,69%
	Cổ đông nhà nước	1	760.211	12,32%
	Cổ đông tổ chức	22	2.741.551	44,42%
	Cổ đông cá nhân	434	2.790.818	45,21%
	Cổ phiếu quỹ	1	435.814	7,06%
II	Cổ đông nước ngoài	32	204.340	3,31%
	Cổ đông tổ chức	5	25.025	0,41%
	Cổ đông cá nhân	27	179.315	2,91%
	Tổng cộng	490	6.172.523	100%

c. Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ/CPBQ
1	Công ty Cổ Phần Địa ốc A.C.B	1.051.244	18,32%
2	Tổng Công Ty LIKSIN	760.211	13,25%
3	Hoàng Văn Điều	578.860	10,09%
5	Lại thị Hồng Diệp	355.863	6,20%
6	Công ty cổ phần Đầu tư Toàn Việt	352.527	6,14%
6	La Thế Nhân	295.550	5,15%
	Tổng cộng	3.041.728	53,02%

d. Quan hệ cổ đông

Để việc công bố thông tin đến với cổ đông đầy đủ, chính xác, kịp thời, Công ty đã có quy trình về Công bố thông tin nội bộ, hướng dẫn từng bộ phận, cá nhân có liên quan về trình tự và thời gian thực hiện. Ngoài ra, để đảm bảo thông tin đến với cổ đông nhanh chóng, hiệu quả và đúng theo quy định, Công ty đã liên kết với đơn vị tư vấn chuyên môn để đưa ra ý kiến tham khảo. Công tác này không những nhằm tăng sự tương tác giữa công ty và các cổ đông mà còn đối với các nhà đầu tư tiềm năng, tạo sự minh bạch trong hoạt động, gây dựng sự tin tưởng của khách hàng, đối tác.



- **Cổ phiếu ALT**

Giá trị sổ sách của cổ phiếu ALT tại thời điểm báo cáo

+	Vốn điều lệ	61.725.230.000 đồng
+	Thặng dư vốn cổ phần	137.662.054.443 đồng
+	Cổ phiếu ngân quỹ	(11,666,581,607) đồng
+	Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861 đồng
+	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.140.945.047 đồng
+	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	19.439.823.020 đồng
+	Tổng cộng	211.545.328.764 đồng
	Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu 31/12/2018	36.876 đồng

- **Thị giá của cổ phiếu ALT**

Thị giá cổ phiếu ALT trong năm 2018 có mức thấp nhất là 11.320 đồng (13/02/2018) và mức cao nhất là 15.600 đồng (12/09/2018) và đến ngày 28/12/2018 là 12.500 đồng. - bằng 33,89% giá trị sổ sách cuối năm 2018.

Hiện nay với giá trị sổ sách là 36.876 đồng, cổ phiếu ALT vẫn là một trong những cổ phiếu có giá trị sổ sách cao niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà nội.

e. Việc thực hiện các quy định về quản trị của Công ty

Việc quản trị Công ty được tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty.

Trong năm Công ty đã có những thay đổi để tăng cường hiệu quả quản trị Công ty:

- Phát triển mạnh công tác kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.
- Xây dựng và áp dụng KPI cho việc đánh giá nhân sự khối văn phòng và kinh doanh dịch vụ.
- Xây dựng lại Quy chế quản trị Công ty theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT- BTC.

IX. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-43

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2019



Số: 300319.006 /BTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 28 tháng 01 năm 2019, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Trương Thị Hoài Anh

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		138,728,019,710	120,111,424,249
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32,394,596,963	29,578,486,222
111	1. Tiền		17,144,596,963	16,078,486,222
112	2. Các khoản tương đương tiền		15,250,000,000	13,500,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	30,991,997,184	31,310,250,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30,991,997,184	31,310,250,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32,212,597,682	30,129,308,670
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	27,718,624,914	24,816,245,943
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3,030,565,809	764,047,992
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	-	3,300,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1,534,318,502	1,319,926,278
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(70,911,543)	(70,911,543)
140	IV. Hàng tồn kho	10	41,676,101,295	28,312,303,468
141	1. Hàng tồn kho		41,676,101,295	28,312,303,468
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1,452,726,586	781,075,889
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1,220,956,614	780,820,937
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		231,515,020	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	254,952	254,952
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		112,391,216,653	108,208,417,145
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2,566,999,746	2,586,499,746
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	2,500,000,000	2,500,000,000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	66,999,746	86,499,746
220	II. Tài sản cố định		42,083,006,844	41,452,285,780
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	37,796,476,466	37,044,678,317
222	- Nguyên giá		155,666,597,020	146,739,878,836
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(117,870,120,554)	(109,695,200,519)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	4,286,530,378	4,407,607,463
228	- Nguyên giá		7,068,980,397	7,028,980,397
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,782,450,019)	(2,621,372,934)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	29,255,644,380	31,158,906,351
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23,201,327,809)	(21,298,065,838)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**(tiếp theo)*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5,800,061,623	4,624,064,357
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5,800,061,623	4,624,064,357
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	17,826,100,387	16,002,320,732
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		17,703,771,187	15,879,991,532
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122,329,200	122,329,200
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14,859,403,673	12,384,340,179
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	14,859,403,673	12,384,340,179
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		251,119,236,363	228,319,841,394

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		39,573,907,599	19,338,204,712
310	I. Nợ ngắn hạn		39,573,907,599	18,788,204,712
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	16,517,501,324	7,403,610,525
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	813,240,600	863,115,391
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1,437,348,447	1,729,633,688
314	4. Phải trả người lao động		2,716,757,560	1,931,585,093
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	19	7,534,003,555	2,884,722,672
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	9,642,719,975	3,017,755,741
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		912,336,138	957,781,602
330	II. Nợ dài hạn		-	550,000,000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	-	550,000,000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		211,545,328,764	208,981,636,682
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	211,545,328,764	208,981,636,682
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61,725,230,000	61,725,230,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		61,725,230,000	61,725,230,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137,662,054,443	137,662,054,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2,243,857,861	2,243,857,861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19,439,823,020	16,876,130,938
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		11,944,830,267	9,193,398,231
421b	LNST chưa phân phối năm nay		7,494,992,753	7,682,732,707
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		251,119,236,363	228,319,841,394



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	156,829,819,565	144,649,067,123
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	323,867,198	59,357,139
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		156,505,952,367	144,589,709,984
11	4. Giá vốn hàng bán	25	135,772,649,041	126,520,963,711
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20,733,303,326	18,068,746,273
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	3,744,623,556	3,600,893,999
22	7. Chi phí tài chính	27	764,926,900	329,705,613
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		139,089,625	72,212,349
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1,823,779,655	1,965,109,801
25	9. Chi phí bán hàng	28	5,412,912,219	5,029,290,178
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	11,294,280,238	10,591,297,108
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8,829,587,180	7,684,457,174
31	12. Thu nhập khác		17,871,847	494,552,703
32	13. Chi phí khác	30	353,051,110	196,908,599
40	14. Lợi nhuận khác		(335,179,263)	297,644,104
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8,494,407,917	7,982,101,278
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	999,415,164	299,368,571
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7,494,992,753	7,682,732,707
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		7,494,992,753	7,682,732,707
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1,306	1,339

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8,494,407,917	7,982,101,278
	1. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11,036,237,213	11,193,280,811
03	- Các khoản dự phòng		-	44,911,543
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(4,657,988)	455,564
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5,239,305,193)	(5,392,829,090)
06	- Chi phí lãi vay		139,089,625	72,212,349
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14,425,771,574	13,900,132,455
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4,979,732,457)	(5,880,419,692)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(13,363,797,827)	5,392,899,868
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13,495,341,730	(256,814,623)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2,915,199,171)	3,579,547,717
14	- Tiền lãi vay đã trả		(158,295,305)	(53,006,669)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(491,467,971)	(481,600,087)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(185,445,464)	(74,938,176)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5,827,175,109	16,125,800,793
2 LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11,551,132,815)	(7,495,274,448)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		372,736,274	805,550,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(51,541,747,184)	(37,110,250,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		55,160,000,000	25,700,000,000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3,042,936,207	2,639,216,531
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4,517,207,518)	(15,460,757,917)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

3 LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

33	1. Tiền thu từ đi vay	34,345,157,118	19,571,967,507
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(28,270,192,884)	(19,603,081,166)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4,562,745,920)	(3,441,122,640)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1,512,218,314	(3,472,236,299)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	2,822,185,905	(2,807,193,423)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	29,578,486,222	32,386,135,209
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(6,075,164)	(455,564)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	32,394,596,963	29,578,486,222





Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm 2018***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

1. Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
2. Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
3. Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
4. Sản xuất băng đĩa nhạc;
5. Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Cấu trúc Tập đoàn

8 Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

II. Công ty có 01 công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	In ấn và quảng cáo

III . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tin hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- 1 Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- 2 Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- 3 Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- 4 Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông **phê duyệt** và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- 2 Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- 3 Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- 4 Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- 5 Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- 6 Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

- Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	305,131,840	7,949,658,055
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16,839,465,123	8,128,828,167
Các khoản tương đương tiền	15,250,000,000	13,500,000,000
	<u>32,394,596,963</u>	<u>29,578,486,222</u>

Tại 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 15.250.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

- **CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**
 - **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	30,991,997,184	30,991,997,184	31,310,250,000	31,310,250,000
	30,991,997,184	30,991,997,184	31,310,250,000	31,310,250,000

Tại 31/12/2018, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 15 tháng có giá trị 30.991.997.184 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 47%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối năm là 4.700.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm lần lượt là 15.879.991.532 đồng và 17.703.771.187 đồng.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai (7.315 cổ phiếu)	62,829,200	88,511,500	-	62,829,200	57,057,000	-
- Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa (5.450 cổ phiếu)	59,500,000	-	-	59,500,000	-	-
	122,329,200	88,511,500	-	122,329,200	57,057,000	-

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của cổ phiếu DPP trên sàn UpCOM tại ngày 28/12/2018.

Ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

3 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
4 Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Việt An	549,758,000	-	1,680,283,990	-
Công ty TNHH Truyền hình Cấp Saigontourist	-	-	1,406,868,650	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	3,134,981,063	-	2,569,257,257	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	24,033,885,851	(26,000,000)	19,159,836,046	(26,000,000)
	27,718,624,914	(26,000,000)	24,816,245,943	(26,000,000)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	48,836,000	-	404,226,281	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

a) . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Novahomes An Phú	1,913,352,396	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	1,117,213,413	-	764,047,992	-
	3,030,565,809	-	764,047,992	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bà Trần Thị Huệ	-	-	3,000,000,000	-
Bà Nguyễn Thị Xuân	-	-	300,000,000	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3,300,000,000</u>	<u>-</u>
5 Dài hạn				
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc ^(*)	2,500,000,000	-	2,500,000,000	-
	<u>2,500,000,000</u>	<u>-</u>	<u>2,500,000,000</u>	<u>-</u>
c) Phải thu về cho vay là các bên liên quan				
	<u>2,500,000,000</u>	<u>-</u>	<u>2,500,000,000</u>	<u>-</u>

6 Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:

Tổng số tiền cho vay: 2.500.000.000 đồng;

Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;

Thời hạn của hợp đồng: 5 năm kể từ ngày nhận tiền;

Lãi suất cho vay: 7,75%/năm;

Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 2.500.000.000 đồng;

Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	752,000,000	-	804,957,895	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	660,568,555	-	425,276,255	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	278,571	-	91,640	-
Phải thu khác	121,471,376	(44,911,543)	89,600,488	(44,911,543)
	1,534,318,502	(44,911,543)	1,319,926,278	(44,911,543)
(1) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	66,999,746	-	86,499,746	-
	66,999,746	-	86,499,746	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	752,000,000	-	804,957,895	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

9 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	70,911,543	-	70,911,543	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	26,000,000	-	26,000,000	-
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sen Việt	44,911,543	-	44,911,543	-
	70,911,543	-	70,911,543	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(3) . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21,734,490,903	-	12,589,475,513	-
Công cụ, dụng cụ	597,865,463	-	1,542,914,911	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	877,783,097	-	1,687,163,387	-
Thành phẩm	17,704,042,233	-	11,017,884,056	-
Hàng hoá	761,919,599	-	1,474,865,601	-
	41,676,101,295	-	28,312,303,468	-

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	5,117,385,523	4,554,197,897
- Mua sắm căn hộ ^(*)	4,554,197,897	4,554,197,897
- Mua sắm căn hộ SR.E1A-04.10 ^(**)	563,187,626	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	682,676,100	69,866,460
- Chi phí sửa chữa nhà máy	682,676,100	69,866,460
	5,800,061,623	4,624,064,357

10 Công ty đang đóng tiền theo tiến độ để mua 2 căn hộ cao cấp của dự án Golden Mansion tại số 119 Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2018, công trình đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục bàn giao và đưa vào sử

11 Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại dự án Sunrise Riverside Nhà Bè với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2018, công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện nội

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	28,710,654,563	104,185,970,365	11,268,641,135	2,371,691,428	202,921,345	146,739,878,836
- Mua trong năm	2,597,008,694	5,290,046,249	1,630,333,819	817,746,787	-	10,335,135,549
- Phân loại lại	1	(26,536,752)	-	26,536,751	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(425,411,910)	(983,005,455)	-	-	(1,408,417,365)
Số dư cuối năm	31,307,663,258	109,024,067,952	11,915,969,499	3,215,974,966	202,921,345	155,666,597,020
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17,935,395,577	82,034,847,131	8,016,404,541	1,532,272,694	176,280,576	109,695,200,519
- Khấu hao trong năm	1,652,630,159	5,755,448,769	914,901,758	648,917,471	-	8,971,898,157
- Phân loại lại	25	260,428,029	(7,487,250)	(252,940,804)	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(330,050,538)	(466,927,584)	-	-	(796,978,122)
Số dư cuối năm	19,588,025,761	87,720,673,391	8,456,891,465	1,928,249,361	176,280,576	117,870,120,554
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	10,775,258,986	22,151,123,234	3,252,236,594	839,418,734	26,640,769	37,044,678,317
Tại ngày cuối năm	11,719,637,497	21,303,394,561	3,459,078,034	1,287,725,605	26,640,769	37,796,476,466

Trong đó:

(*) Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.889.021.378 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

- TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất ^(*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6,237,885,093	791,095,304	7,028,980,397
- Mua trong năm	-	40,000,000	40,000,000
Số dư cuối năm	6,237,885,093	831,095,304	7,068,980,397
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1,830,277,630	791,095,304	2,621,372,934
- Khấu hao trong năm	149,410,416	11,666,669	161,077,085
Số dư cuối năm	1,979,688,046	802,761,973	2,782,450,019
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4,407,607,463	-	4,407,607,463
Tại ngày cuối năm	4,258,197,047	28,333,331	4,286,530,378

13 Giá trị quyền sử dụng đất tính đến ngày 31/12/2018 của Công ty là thửa đất được quyền sử dụng tại Lô II 3 đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 9.987 m² có thời hạn sử dụng đến ngày 17/06/2047.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2018 là 23.201.327.809 đồng, trong đó khấu hao trong năm là 1.903.261.971 đồng.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	368,897,160	373,941,497
Chi phí bảo hiểm	28,763,997	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	823,295,457	406,879,440
	1,220,956,614	780,820,937
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	288,514,892	641,113,458
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	9,305,059	120,965,707
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	30,985,000	123,940,000
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình LED	14,331,094,668	11,331,375,411
Chi phí trả trước dài hạn khác	199,504,054	166,945,603
	14,859,403,673	12,384,340,179

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Xinhengjia Supply Chain (HK) Co., Ltd	1,023,142,243	1,023,142,243	740,871,996	740,871,996
Smartnet Technology Inc	-	-	1,133,808,234	1,133,808,234
Công ty TNHH Thương mại Hưng Phát	1,381,800,000	1,381,800,000	990,000,000	990,000,000
Shenzhen Infiled Electronics Co. Ltd	2,740,934,201	2,740,934,201	-	-
Hanwa Singapore Pte Ltd	2,842,049,925	2,842,049,925	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Bền vững S.av	2,208,403,043	2,208,403,043	-	-
Phải trả các đối tượng khác	6,321,171,912	6,321,171,912	4,538,930,295	4,538,930,295
	<u>16,517,501,324</u>	<u>16,517,501,324</u>	<u>7,403,610,525</u>	<u>7,403,610,525</u>

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Anternation	-	348,488,044
Công ty TNHH Truyền thông và Sự kiện Hiền Anh	300,000,000	-
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông Thương mại T3D Việt Nam	138,600,000	-
Smartnet Technology Inc	-	251,957,385
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	374,640,600	262,669,962
	<u>813,240,600</u>	<u>863,115,391</u>

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1,420,480,169	7,667,410,128	8,680,115,077	-	407,775,220
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	254,952	-	152,407,693	152,407,693	254,952	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	230,293,659	1,223,228,861	491,467,971	-	962,054,549
Thuế Thu nhập cá nhân	-	78,859,860	545,206,243	556,547,425	-	67,518,678
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	54,470,373	54,470,373	-	-
Các loại thuế khác	-	-	192,924,760	192,924,760	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	40,750,174	40,750,174	-	-
	254,952	1,729,633,688	9,876,398,232	10,168,683,473	254,952	1,437,348,447

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	53,633,240	72,228,700
- Bảo hiểm xã hội	-	322,045
- Bảo hiểm y tế	36,627	6,634,470
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	21,190
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,821,880,872	1,616,880,872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	56,015,320	29,394,040
- Phải trả lãi vay	-	19,205,680
- Quỹ phải trả người lao động	1,073,555,442	1,073,555,442
- Phải trả bà Trần Thị Huệ ^(*)	1,700,000,000	-
- Phải trả ông Hoàng Minh Anh Tú ^(**)	2,750,000,000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	78,882,054	66,480,233
	<u>7,534,003,555</u>	<u>2,884,722,672</u>
Phải trả khác là các bên liên quan	<u>4,450,000,000</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

(*), (**) Khoản vay bà Trần Thị Huệ và ông Hoàng Minh Anh Tú không tính lãi nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

20 . VAY

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a)Vay ngắn hạn						
-Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾	3,017,755,741	3,017,755,741	33,845,157,118	27,720,192,884	9,142,719,975	9,142,719,975
- Vay cá nhân ⁽²⁾	-	-	500,000,000	-	500,000,000	500,000,000
	3,017,755,741	3,017,755,741	34,345,157,118	27,720,192,884	9,642,719,975	9,642,719,975
19 Vay dài hạn						
- Ông Hoàng Minh Anh Tú	550,000,000	550,000,000	-	550,000,000	-	-
	550,000,000	550,000,000	-	550,000,000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

20 Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- a) Gồm 02 hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:
- b) Hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số 708/TBN-KDN/17TD ngày 21/06/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 21/06/2019;
 - Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- c) Hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số 1217/TBN-KDN/18NH ngày 15/10/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 15/10/2019;
 - Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- + Khoản vay cá nhân không tính lãi với bà Trần Thị Huệ nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	31/12/2018		01/01/2018	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Ông Hoàng Minh Anh Tú ⁽²⁾	-	-	550,000,000	-
Bà Trần Thị Huệ ⁽²⁾	500,000,000	-	-	-
	500,000,000	-	550,000,000	-

Ghi chú:

(2) Tổng Giám đốc điều hành

(3) Giám đốc Chất lượng

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

c) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,758,775,074	14,090,672,131	205,711,095,088
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	7,682,732,707	7,682,732,707
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	485,082,787	(4,897,273,900)	(4,412,191,113)
Số dư cuối năm trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	16,876,130,938	208,981,636,682
Số dư đầu năm nay	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	16,876,130,938	208,981,636,682
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	7,494,992,753	7,494,992,753
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(4,589,367,200)	(4,589,367,200)
Phạt truy thu thuế	-	-	-	-	-	(201,933,471)	(201,933,471)
Thù lao thành viên	-	-	-	-	-	(140,000,000)	(140,000,000)
HĐQT không điều hành và chi thường Ban Điều hành	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	19,439,823,020	211,545,328,764

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCĐ/2018 ngày 18/04/2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100.00%	16,876,130,938
Chi thường Ban Điều hành	2.28%	384,000,000
Chi trả cổ tức	27.19%	4,589,367,200
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	70.53%	11,902,763,738

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17.03%	10,512,440,000	17.03%	10,512,440,000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12.32%	7,602,110,000	12.32%	7,602,110,000
Ông Hoàng Văn Điều	9.38%	5,788,600,000	9.38%	5,788,600,000
Bà Lại Thị Hồng Điệp	5.77%	3,558,630,000	5.77%	3,558,630,000
Ông La Thế Nhân	4.79%	2,955,500,000	4.79%	2,955,500,000
Các cổ đông khác	43.66%	26,949,810,000	43.66%	26,949,810,000
Cổ phiếu quỹ	7.05%	4,358,140,000	7.05%	4,358,140,000
	100%	61,725,230,000	100%	61,725,230,000

21 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61,725,230,000	61,725,230,000
- Vốn góp đầu năm	61,725,230,000	61,725,230,000
- Vốn góp cuối năm	61,725,230,000	61,725,230,000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	29,394,040	28,491,140
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	4,589,367,200	3,442,025,540
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	3,442,025,540
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(4,562,745,920)	(3,441,122,640)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(4,562,745,920)	(3,441,122,640)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	56,015,320	29,394,040

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6,172,523	6,172,523
- Cổ phiếu phổ thông	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	435,814	435,814
- Cổ phiếu phổ thông	435,814	435,814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,736,709	5,736,709
- Cổ phiếu phổ thông	5,736,709	5,736,709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2,243,857,861	2,243,857,861
	2,243,857,861	2,243,857,861

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

a) . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**c) Tài sản thuê ngoài**

Công ty được Nhà nước giao đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	15,239.67	2,374.77
- Đồng đô la Singapore (SGD)	339.72	-
- Đồng đô la Hồng Kông (HKD)	46,444.09	-

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	107,019,895,503	86,379,348,742
Doanh thu cung cấp dịch vụ	49,809,924,062	58,269,718,381
	<u>156,829,819,565</u>	<u>144,649,067,123</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)	<u>296,725,331</u>	<u>1,972,315,944</u>

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	2,395,757
Hàng bán bị trả lại	323,267,198	56,361,382
Giảm giá hàng bán	600,000	600,000
	<u>323,867,198</u>	<u>59,357,139</u>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	96,554,362,184	82,626,993,456
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	39,218,286,857	43,893,970,255
	<u>135,772,649,041</u>	<u>126,520,963,711</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3,278,228,507	2,277,845,286
Cổ tức, lợi nhuận được chia	376,000,000	1,274,957,895
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	85,737,061	48,090,818
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	4,657,988	-
	<u>3,744,623,556</u>	<u>3,600,893,999</u>

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	139,089,625	72,212,349
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	212,258,064	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	413,579,211	257,037,700
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	455,564
	<u>764,926,900</u>	<u>329,705,613</u>

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49,708,642	-
Chi phí nhân công	2,236,080,737	3,218,217,780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72,243,031	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,962,692,978	835,371,493
Chi phí khác bằng tiền	1,092,186,831	975,700,905
	<u>5,412,912,219</u>	<u>5,029,290,178</u>

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	192,298,260	402,476,827
Chi phí nhân công	6,499,672,464	5,879,095,529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,626,541,756	1,508,191,774
Thuế, phí, lệ phí	78,514,623	137,060,486
Chi phí dự phòng	-	44,911,543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,424,729,675	1,640,876,010
Chi phí khác bằng tiền	1,472,523,460	978,684,939
	<u>11,294,280,238</u>	<u>10,591,297,108</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

30 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	238,702,969	125,083,892
Các khoản bị phạt	114,302,003	58,239,242
Chi phí khác	46,138	13,585,465
	<u>353,051,110</u>	<u>196,908,599</u>

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	999,415,164	299,368,571
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>999,415,164</u>	<u>299,368,571</u>
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay	223,813,697	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	230,293,659	412,525,175
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(491,467,971)	(481,600,087)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>962,054,549</u>	<u>230,293,659</u>

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	7,494,992,753	7,682,732,707
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7,494,992,753	7,682,732,707
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5,736,709	5,736,709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1,306</u>	<u>1,339</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93,995,110,301	87,525,423,469
Chi phí nhân công	32,706,101,343	27,677,777,770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11,036,237,213	11,193,280,811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12,111,283,046	10,218,298,635
Chi phí khác bằng tiền	8,507,887,482	8,677,709,914
	158,356,619,385	145,292,490,599

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32,394,596,963	-	29,578,486,222	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29,319,943,162	(70,911,543)	26,222,671,967	(70,911,543)
Các khoản cho vay	33,491,997,184	-	37,110,250,000	-
Đầu tư dài hạn	62,829,200	-	62,829,200	-
	95,269,366,509	(70,911,543)	92,974,237,389	(70,911,543)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	9,642,719,975	3,567,755,741
Phải trả người bán, phải trả khác	24,051,504,879	10,288,333,197
	33,694,224,854	13,856,088,938

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Đầu tư dài hạn	-	62,829,200	-	62,829,200
	<u>-</u>	<u>62,829,200</u>	<u>-</u>	<u>62,829,200</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư dài hạn	-	62,829,200	-	62,829,200
	<u>-</u>	<u>62,829,200</u>	<u>-</u>	<u>62,829,200</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương	32,394,596,963	-	-	32,394,596,963
Phải thu khách hàng, phải thu	29,182,031,873	66,999,746	-	29,249,031,619
Các khoản cho vay	30,991,997,184	2,500,000,000	-	33,491,997,184
	92,568,626,020	2,566,999,746	-	95,135,625,766
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương	29,578,486,222	-	-	29,578,486,222
Phải thu khách hàng, phải thu	26,065,260,678	86,499,746	-	26,151,760,424
Các khoản cho vay	34,610,250,000	2,500,000,000	-	37,110,250,000
	90,253,996,900	2,586,499,746	-	92,840,496,646

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	9,642,719,975	-	-	9,642,719,975
Phải trả người bán, phải trả	24,051,504,879	-	-	24,051,504,879
	33,694,224,854	-	-	33,694,224,854
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	3,017,755,741	550,000,000	-	3,567,755,741
Phải trả người bán, phải trả	10,288,333,197	-	-	10,288,333,197
	13,306,088,938	550,000,000	-	13,856,088,938

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	106,705,868,305	49,800,084,062	156,505,952,367
Chi phí bộ phận trực tiếp	96,554,362,184	39,218,286,857	135,772,649,041
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10,151,506,121	10,581,797,205	20,733,303,326
Tổng chi phí mua TSCĐ	4,733,751,182	6,777,381,633	11,511,132,815
Tài sản bộ phận trực tiếp	171,213,271,821	79,905,964,542	251,119,236,363
Tổng tài sản	171,213,271,821	79,905,964,542	251,119,236,363
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	26,981,518,011	12,592,389,588	39,573,907,599
Tổng nợ phải trả	26,981,518,011	12,592,389,588	39,573,907,599

Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc Ông Hoàng Minh Anh Tú Bà Trần Thị Huệ	Công ty liên kết Tổng Giám đốc điều hành Giám đốc Chất lượng

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu	296,725,331	1,972,315,944
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	296,725,331	1,972,315,944
Lãi cho vay	242,587,000	213,921,000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	242,587,000	213,921,000
Cổ tức được chia	376,000,000	1,274,957,895
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	376,000,000	1,274,957,895

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	48,836,000	404,226,281
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	48,836,000	404,226,281
Phải thu về cho vay	2,500,000,000	2,500,000,000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	2,500,000,000	2,500,000,000
Phải thu khác	752,000,000	804,957,895
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	752,000,000	804,957,895
Phải trả khác	4,450,000,000	-
Ông Hoàng Minh Anh Tú	2,750,000,000	-
Bà Trần Thị Huệ	1,700,000,000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	333,962,000	432,571,051
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	1,863,217,463	1,870,176,533

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.





Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2019



X. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Từ những đòi hỏi phải minh bạch các hoạt động đóng góp cho môi trường, cộng đồng và xã hội – ALTA xây dựng báo cáo phát triển bền vững của công ty trên cơ sở thấu hiểu trách nhiệm và sứ mạng của mình với tư cách là một doanh nghiệp nghiêm ngặt.

Trong những năm vừa qua sản phẩm của ALTA luôn hướng đến môi trường và xã hội đồng thời tạo ảnh hưởng đến xu hướng tiêu dùng thân thiện và văn minh.

Trên cơ sở xác định mục tiêu phát triển bền vững, công ty công bố phần báo cáo này như một công cụ để giải trình và cam kết trách nhiệm với các bên có liên quan.

Do tầm mức và qui mô hoạt động, công ty xây dựng phần báo cáo phát triển bền vững tích hợp trong Báo cáo thường niên với các nội dung liên quan tới phát triển bền vững bao gồm: quản lý nguồn nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chính sách liên quan đến người lao động, báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương, báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh và trách nhiệm quản trị.

Báo cáo được xây dựng trên cơ sở Tài liệu hướng dẫn Công bố thông tin về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội tháng 10 năm 2016.

Tất cả đề gởi đến các Cổ đông, các Nhà đầu tư một cái nhìn toàn diện về sự phát triển và đóng góp của công ty cho các nhu cầu chung của môi trường, cộng đồng và xã hội.

1. Cam kết của Ban lãnh đạo

Chính sách chất lượng của ALTA đã nêu rõ những nội dung chủ yếu sau:

Bảo đảm chất lượng sản phẩm:

- Xây dựng – duy trì và liên tục cải tiến hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Cam kết tạo ra sản phẩm chất lượng bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.
- Kiểm soát nghiêm túc các quy trình sản xuất và dịch vụ để gia tăng uy tín thương hiệu và bảo đảm hiệu quả vận doanh.

Tích cực bảo vệ môi trường:

- Tuân thủ và thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, giảm thiểu tối đa tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ.
- Sử dụng tài nguyên và năng lượng theo hướng thực sự cần thiết và tiết kiệm đồng thời giảm thiểu lãng phí có tính đến phương án tái chế, tái sử dụng.

Phát triển nguồn nhân lực:

- Cung cấp môi trường làm việc thuận lợi, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn lao động cho mọi thành viên.

- Đào tạo hoàn thiện kỹ năng và phát triển nghề nghiệp đồng thời tăng cường phúc lợi cho người lao động.
- Thực hiện trách nhiệm xã hội:**
- Xác định trách nhiệm xã hội của Công Ty đối với cộng đồng xã hội và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của mọi thành viên xã hội.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát triển mối quan hệ nhân sự trong cộng đồng công ty trên tinh thần đoàn kết, hợp tác, chủ động và sáng tạo nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho công việc.

2. Quá trình tiến đến phát triển bền vững

- Năm 1993, công ty đã liên doanh với đối tác Đài Loan để sản xuất đầu tiên tại Việt Nam mặt hàng khăn giấy ướt thơm Luxta sử dụng một lần góp phần bảo vệ môi trường.
- Năm 2000, công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt nam đã sản xuất Hạt màu chủ (masterbatch) – một nguyên liệu nhựa thân thiện môi trường để thay thế bột màu độc hại trong thành phần sản phẩm nhựa tiêu dùng.
- Năm 2002, công ty là doanh nghiệp đầu tiên sản xuất bao bì tự hủy thân thiện với môi trường để xuất khẩu sang Châu Âu, Châu Úc.
- Năm 2005, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã đến tham quan dây chuyền sản xuất bao bì tự phân hủy của Công ty và đề nghị sản xuất và phân phối rộng sản phẩm đến thị trường trong nước.
- Năm 2006, ALTA đã đạt Danh hiệu “ DOANH NGHIỆP UY TÍN –CHẤT LƯỢNG NĂM 2006 “do Mạng Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng trên cơ sở ý kiến bình chọn của người tiêu dùng .
- Năm 2007, ALTA cũng đạt giải ba “DOANH NGHIỆP XANH” lần 1 năm 2006 do UBND TP.HCM trao tặng ngày 01-02-2007.

Giải thưởng này nhằm biểu dương, tôn vinh những doanh nghiệp tiêu biểu có ý thức và hoạt động hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường, đóng góp tích cực cho phong trào bảo vệ môi trường cùng cộng đồng; cố gắng xóa bỏ rào cản “xanh” để tạo thêm cơ hội xâm nhập thị trường thương mại thế giới, nhất là khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

- Năm 2009, công ty sản xuất sản phẩm bao bì nhựa tự hủy ARO sử dụng trong gia đình và được siêu thị Metro đặt làm nhãn hàng riêng.
- Năm 2012, sản phẩm bao bì nhựa phân hủy sinh học và bao bì nhựa Alta được Bộ Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện môi trường.
- Năm 2014, công ty được UBND TP HCM khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ môi trường - đạt giải thưởng Môi trường Tp.HCM năm 2014.
- Năm 2015, công ty được Sở Tài Nguyên Môi trường TP HCM khen thưởng về thành tích xuất sắc trong Chương trình Giảm sử dụng túi ni-lông trên địa bàn tp. HCM.
- Năm 2016, công ty được HEPZA trao danh hiệu “Doanh nghiệp Khu công nghiệp Tp HCM tiêu biểu”
- Năm 2016 công ty đã đưa vào thị trường 2 nhãn hiệu Khăn trải đa năng NEAT và Túi rác có hương OXO.
- Năm 2017 công ty Alta Plastic (công ty con 100% vốn của ALTA) được Sở Tài Nguyên Môi Trường tặng giấy khen đã có đóng góp tích cực cho Chương trình Ngày hội Tái chế chất thải giai đoạn 10 năm (2008 – 2017).
- Năm 2018 công ty ALTA PLASTIC đã tham gia và hỗ trợ chương trình “Ngày hội sống xanh TP.HCM NĂM 2018” do sở Tài Nguyên và Môi trường tổ chức vào ngày 03/06/2018 tại công viên Lê văn Tám.

3. Vị thế hiện tại của công ty trong hành trình phát triển bền vững

- Trước đây công ty ALTA do yêu cầu của khách hàng nước ngoài đã sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm thân thiện môi trường. Sau đó ý thức được việc cần hành động để bảo vệ môi trường

công ty đã phát triển và nhân rộng việc sản xuất và sử dụng các sản phẩm này tại thị trường nội địa với slogan

“ HÃY NGHĨ ĐẾN NGÀY MAI”

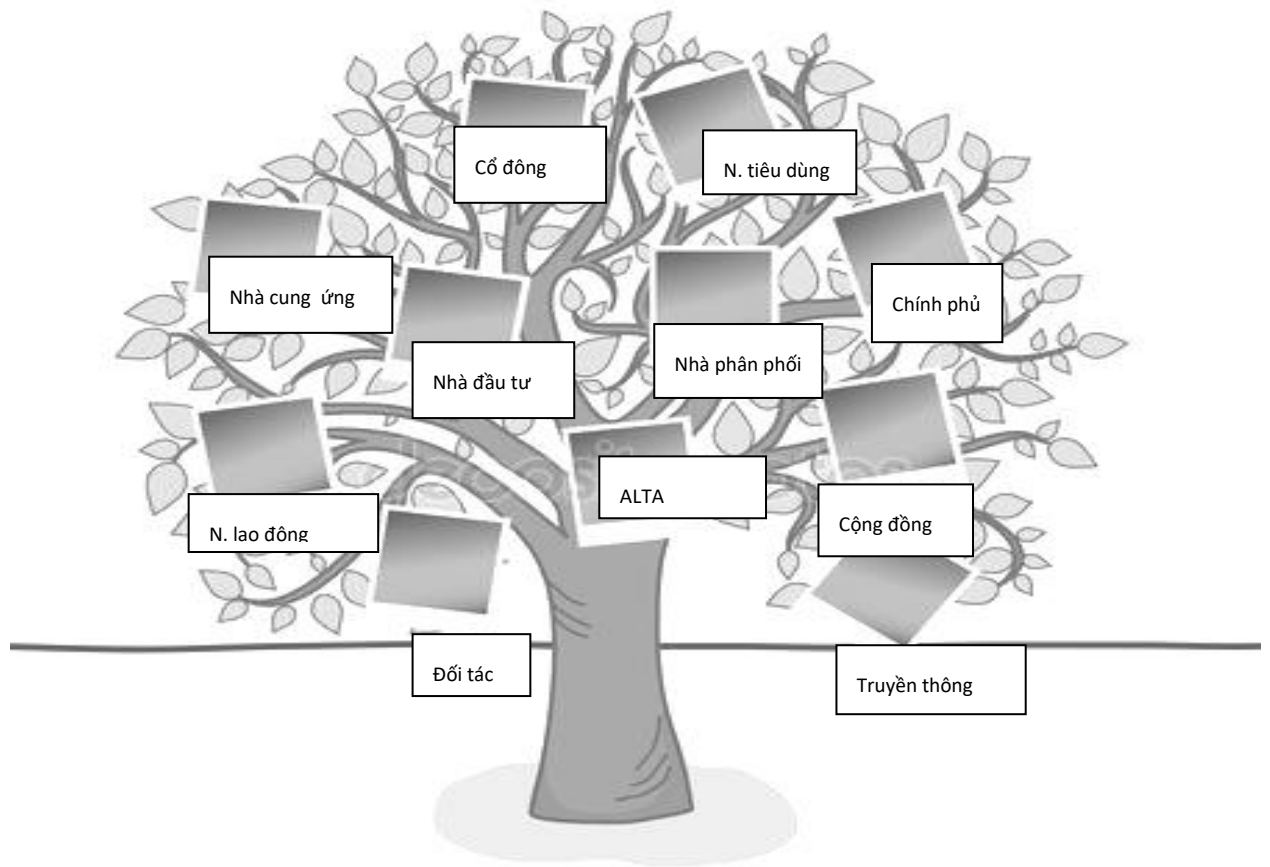
- Từ năm 2000, công ty đã tiếp cận với khái niệm phát triển bền vững: "Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm thoả mãn các nhu cầu hiện tại của con người nhưng không tổn hại tới sự thoả mãn các nhu cầu của thế hệ tương lai". (Định nghĩa của Ủy ban Môi trường và Phát triển của Liên Hợp Quốc năm 1987). Công ty đã cho ra đời các sản phẩm như hạt màu chủ masterbatch, bao bì tự hủy, túi đi biển sử dụng một lần, túi vải non woven, khăn giấy ướt Luxta, tấm trải đa năng Neat, Túi rác mùi hương OXO...
- Bên cạnh đó, công ty cũng đã xây dựng, hoàn thiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 với các phiên bản được cập nhật từ năm 2002, áp dụng tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc BRC (British Retailer Consortium) từ năm 2012.
- Công ty đã xây dựng hình ảnh “DOANH NGHIỆP XANH” trở thành biểu tượng và thương hiệu của ALTA, một doanh nghiệp đầu tiên cổ phần hóa của ngành văn hóa. Các sản phẩm và dịch vụ của công ty ngoài tiêu chuẩn chất lượng, hiện đại còn phải đáp ứng yêu cầu thân thiện và bảo vệ môi trường.
- Từ năm 2006, công ty ALTA trở thành doanh nghiệp ngành văn hóa đầu tiên niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt nam, việc công bố thông tin minh bạch và chính xác càng tác động đến việc bảo vệ và nâng cao uy tín thương hiệu. Công ty ý thức rằng các yếu tố phi tài chính như môi trường, xã hội và quản trị công ty luôn có ảnh hưởng đến hình ảnh và hiệu quả của công ty. Cổ đông, các nhà đầu tư và khách hàng đã tiếp cận với công ty qua logo màu xanh ALTA quen thuộc và thân thiện, qua hình ảnh chiếc lá xanh tươi trên các loại bao bì nhựa xuất hiện khắp nơi, qua tính cách thân thiện và nhiệt tình của các thành viên ALTA...
- Từ năm 2016, trong báo cáo thường niên lần đầu tiên công ty ALTA tích hợp phần báo cáo phát triển bền vững để khẳng định và công bố thông tin với cộng đồng về cam kết thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng và hoàn thiện quản trị công ty, đem lại lợi ích tốt nhất cho sự tăng trưởng và hạnh phúc của các thành viên ALTA bao gồm cả cổ đông.











4. Xác định trách nhiệm

- Hội đồng Quản trị công ty là cấp lãnh đạo cao nhất có trách nhiệm định hướng cụ thể mục tiêu phát triển bền vững, trên cơ sở đó giám sát quá trình phân tích, tổng hợp và báo cáo bền vững.
- Ban Giám đốc có trách nhiệm xác định các vấn đề trọng yếu, thành lập tổ công tác, giải trình về quá trình lập và tổng hợp báo cáo.
- Các tổ công tác có trách nhiệm thu thập dữ liệu, phân tích vị thế hiện tại và tham vấn các bên liên quan.
- Báo cáo bền vững là cam kết của doanh nghiệp sau khi đã nhìn rõ thực tại của mình, lắng nghe trong đối thoại trung thực với các bên liên quan và cuối cùng là trách nhiệm cải tiến liên tục.



5. Mối quan hệ với các bên liên quan



Các bên liên quan		Alta làm sao biết?	Họ cần gì?	Alta cam kết
1. Cổ đông		Đại hội cổ đông Website Alta	Cổ tức tốt Doanh nghiệp phát triển.	Nâng cao hiệu quả - Sinh lợi tối ưu - Phát triển DN theo hướng ổn định và bền vững - Thông tin minh bạch.
2. Nhà đầu tư		Thu thập thông tin Website Alta	Biết được tình hình sinh lợi. Hướng phát triển tốt	Nâng cao hiệu quả - Sinh lợi tối ưu - Phát triển DN theo hướng ổn định và bền vững - Thông tin minh bạch.
3. Người tiêu dùng		Thu thập thông tin từ các kênh: bán hàng, online....	Hàng hóa, dịch vụ an toàn, chất lượng tốt, giá hợp lý	Nâng cao uy tín thương hiệu - sản phẩm và dịch vụ chất lượng tốt, bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.
4. Nhà phân phối		Gặp gỡ trực tiếp Hợp đồng ký kết	Hàng hóa chất lượng Chính sách bán hàng phù hợp	Nâng cao uy tín thương hiệu - sản phẩm và dịch vụ chất lượng tốt. Chính sách giá hợp lý - Cùng phát triển bền vững.
5. Đối tác, doanh nghiệp cùng ngành		Hội nghị Hợp đồng	Hợp tác phát triển . Cạnh tranh lành mạnh	Luôn là người bạn chân thành , hợp tác hoặc cạnh tranh theo phương châm cùng thắng (Win & Win)
6. Nhà cung ứng		Gặp trực tiếp Hợp đồng ký kết Tham quan thực tế	Doanh nghiệp phát triển Bàn hàng lâu dài Thanh toán tốt	Hợp đồng trách nhiệm rõ ràng - Yêu cầu về xã hội và môi trường - Thanh toán đúng hạn.
7. Người lao động		Hội nghị CNVC Các góp ý thường xuyên Bảng khảo sát Chương trình đào tạo	Thu nhập ổn định Công việc ổn định An toàn lao động Nâng cao tay nghề	Đào tạo theo nhu cầu 2 bên - nâng cao thu nhập - Tạo một cuộc sống chất lượng, đáng sống.
8. Truyền thông		Thông cáo báo chí Thu thập thông tin	Thông tin chính xác, minh bạch, kịp thời	Bảo đảm các thông tin luôn minh bạch, cập nhật hóa và trung thực.
9. Cộng đồng		Tiếp xúc trực tiếp Thông tin từ cộng đồng	Doanh nghiệp tham gia, đóng góp cho xã hội, cho địa phương theo khả năng.	Thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động phát triển cộng đồng địa phương - Hỗ trợ cộng đồng địa phương cách tốt nhất.
10. Chính phủ		Hội nghị, hội thảo Các tổ chức đoàn thể Các qui định chung hoặc riêng biệt	Tuân thủ qui định Thông tin minh bạch Doanh nghiệp phát triển	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế - Tuân thủ pháp luật - Đóng góp xây dựng chính phủ vì dân và vì xã hội.



6. Chỉ tiêu phát triển bền vững về Môi trường (E)

a. Chỉ tiêu EA – Quản lý chất thải

EA.1 – Quản lý khí thải nhà kính

- Định kỳ 1 năm 1 lần, công ty đều đo đạc quan trắc môi trường lao động với các chỉ tiêu:
 - o Vi khí hậu : nhiệt độ (độ C); độ ẩm (%); tốc độ gió (m/s)
 - o Yếu tố vật lý : Ánh sáng (Lux); Tiếng ồn chung (dBA); Tiếng ồn phân tích theo dãy số (Hz)
 - o Yếu tố bụi : Bụi hô hấp không chứa silic (mg/m³)
 - o Yếu tố hóa học :Hơi khí CO, SO₂, NO₂ (mg/m³)
- Do đặc thù loại hình sản xuất của Công ty là sản xuất khăn giấy thơm, sản xuất bao bì nhựa, Công ty không sử dụng lò hơi. Bên cạnh đó Công ty không sử dụng máy phát điện, và không lắp đặt hệ thống xử lý khí thải do vậy sẽ không phát thải khí tại nguồn.
- Kết quả lần đo đạc mới nhất ngày 24/10/2018

1. Vi khí hậu:

- Nhiệt độ: tất cả **02/07** mẫu đo nhiệt độ tại thời điểm kiểm tra đều đạt Tiêu chuẩn cho phép (TCCP) theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.
- Độ ẩm: tất cả **07/07** mẫu đo độ ẩm đều đạt TCCP theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.
- Tốc độ gió: Tất cả **07/07** mẫu đo vận tốc gió đều đạt TCCP theo QCVN 26:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.

2. Ánh sáng:

- Tất cả **07/07** mẫu đo ánh sáng đều đạt Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động (TCVSLĐ) cho phép theo QCVN 22:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.

3. Tiếng ồn:

- Tiếng ồn chung: tất cả **06/06** mẫu đo tiếng ồn chung đều đạt TCVSLĐ cho phép theo QCVN 24:2016/BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.
- Tiếng ồn phân tích dãy tần: Phân tích tại 02 vị trí, kết quả cho thấy tất cả vị trí tiếng ồn ở các dãy tần đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo QCVN 24:2016/BYT.

4. Bụi các loại:

- Tất cả **07/07** mẫu đo bụi hô hấp không chứa silic đều có kết quả đạt TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.

5. Hơi hóa học và khí độc:

- CO: Tất cả **02/02** mẫu đo CO tại các vị trí đo đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo, (giá trị cho phép theo TWA $\leq 20\text{mg/m}^3$).
- SO₂: Tất cả **01/01** mẫu đo SO₂ tại các vị trí đo đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo, (giá trị cho phép theo TWA $\leq 5\text{mg/m}^3$).
- NO₂: Tất cả **01/01** mẫu đo NO₂ tại các vị trí đo đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo, (giá trị cho phép theo TWA $\leq 5\text{mg/m}^3$).

EA.2 - Về nước thải và chất thải

- Công ty đã ban hành chính sách bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa việc xả nước thải và chất thải gây ô nhiễm môi trường.
- Các phương án đang áp dụng: nhà máy sản xuất của công ty có 2 hệ thống thoát nước tách rời – 1 của nước thải sinh hoạt và 1 của nước mưa.
- Tại văn phòng nước thải chủ yếu là nước mưa và nước sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt sẽ được chứa bằng bể tự hoại, sau khi qua bể tự hoại sẽ được dẫn ra ống thoát nước chung.
- Tại khu vực sản xuất không phát sinh ra nước thải do sử dụng tuần hoàn nước để làm mát các hạt CaCO₃ và hạt tái sinh và đưa lại vào quá trình sản xuất.
- Nhắc nhở nhân viên tiết kiệm nước, giảm thiểu xả nước thải bằng cách giảm lượng nước sử dụng.
- Tổng lượng nước thải cả công ty là 87 m³/ngày.
- Định kỳ sẽ lấy mẫu nước thải để phân tích có đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.
- Kết quả phân tích ngày 27/11/2018:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn VN
1	pH ^(a,b)	-	7,16	5,5-9
2	Chất rắn lơ lửng SS ^(a,b)	mg/l	52	100
3	BOD ₅ (20° C) ^(a,b)	mg/l	43	50
4	COD ^(a,b)	mg/l	82	150
5	Tổng Nitơ ^(*)	mg/l	21,79	40
6	Tổng Photpho	mg/l	2,42	6
7	Amoni - N-NH ₄ ⁺	mg/l	8,63	10

- Chất thải rắn sinh hoạt & công nghiệp: thùng carton, giấy, màng & các chất thải khác trong quá trình sản xuất được chuyển giao cho Công ty Môi trường Đô thị TP.HCM thu gom hàng ngày.

Tên chất thải thông thường	Số lượng (kg)/ năm
Chất thải rắn sinh hoạt	20.400
Khăn giấy lỗi	
Tổng số	20.400

- Chất thải nguy hại: Công ty hiện sản xuất mặt hàng là khăn giấy thơm và bao bì nhựa, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ít. Công ty ALTA và công ty ALTA PLASTIC (công ty con 100% vốn của công ty ALTA) chuyển giao chất thải nguy hại cho Công ty Môi trường Đô thị TP.HCM xử lý vào ngày định kỳ với số lượng năm 2017 như sau:

Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Số lượng (kg)/ năm
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	12
Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), ghê lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	228
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	0
Bao bì mềm thải	18 01 01	736
Tổng số		976

- Giẻ lau dính mực in, dung môi đựng trong bao bì nhựa, chứa trong khu vực có mái che.
- Dầu, nhớt thải chứa trong thùng phuy, có nắp đậy.
- Bóng đèn huỳnh quang chứa trong thùng phuy. Bao bì mềm thải chứa trong thùng phuy.
- Đợt 1 vào ngày 08/06/2018

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/ lỏng/ khí)	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính mực in, dung môi	Rắn	180	18 02 01
2	Dầu, nhớt thải	Lỏng	0	17 02 03
3	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	10	16 01 06
4	Bao bì mềm thải	Rắn	400	18 01 01

- Đợt 2 vào ngày 15/11/2018

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/ lỏng/ khí)	Số lượng (kg)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính mực in,dung môi	Rắn	48	18 02 01
2	Dầu, nhớt thải	Lỏng	0	17 02 03
3	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	2	16 01 06
4	Bao bì mềm thải	Rắn	336	18 01 01

- Hạn chế sử dụng các chế phẩm hóa học trong làm sạch môi trường và trong sản xuất.

EA.3 - Tổng chi phí cho các hoạt động xử lý chất thải, bảo vệ môi trường

- Chi phí cho các hoạt động xử lý chất thải năm 2018 là 14.798.120 đồng
- Chi phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường năm 2018 là 12.034.494 đồng

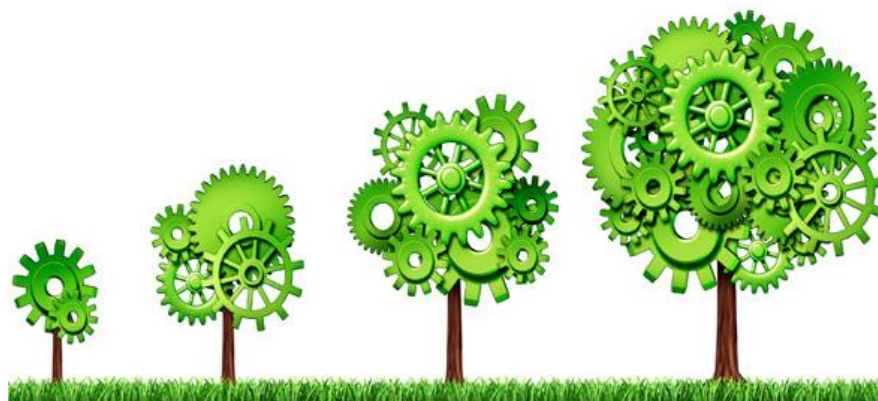
b. Chỉ tiêu EB - Tuân thủ quy định

EB.1 - Việc tuân thủ các quy định về môi trường

- Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014 số 55/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015.Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 01/04/2015.Nghị định số 19/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 01/04/2015.
- Các báo cáo cần thiết như: Báo cáo quản lý chất thải nguy hại năm 2018; Báo cáo giám sát môi trường năm 2018...được gửi đến các đơn vị hữu quan: Chi cục bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng quản lý môi trường của HEPZA, Ban quản lý Khu công nghiệp Tân Bình...theo đúng yêu cầu và thời hạn quy định.

EB.2 - Các khoản tiền phạt

- Công ty không có trường hợp vi phạm Luật bảo vệ môi trường.



c. Chỉ tiêu EC - Tác động của môi trường và hệ sinh thái

EC.1 – Các tác động của biến đổi khí hậu

- Ý thức các biến đổi khí hậu như hiệu ứng nhà kính, sự suy giảm ôzôn, đảo nhiệt đô thị ...đều có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, toàn bộ các hoạt động sản xuất của công ty đều tập trung vào Nhà máy tại Khu công nghiệp – tách rời với khu vực dân cư, với mật độ xây dựng không quá 50%, nhà xưởng thông thoáng, cây xanh bao quanh và trang bị vật liệu chống nóng.

EC.2 – Môi trường sống được bảo tồn

- Môi trường lao động an toàn và không có tác nhân gây nguy hại.

EC.3 – Giảm nhẹ tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh, công ty luôn bảo đảm giảm thiểu tối đa tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ như: không sử dụng nguyên vật liệu độc hại, quản lý nghiêm định mức tiêu hao nguyên liệu vật tư và năng lượng. Giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm phát thải khí, giảm tiếng ồn và chất thải.

EC.4 – Tác động môi trường của việc vận chuyển sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu và người lao động.

- Tổng chi phí chi trả cho hoạt động vận chuyển năm 2017 là 1.796.389.399 đồng tăng 28 % so với năm trước (1.408.293.795 đồng)

d. Chỉ tiêu ED - sử dụng và quản lý tài nguyên

ED.1 - Việc sử dụng tài nguyên và năng lượng

- Các chỉ tiêu đo lường việc sử dụng tài nguyên:
 - o Tổng số điện tiêu thụ 909.290 Kwh
 - o Tổng số nước tiêu thụ 2.232 m³/năm
 - o Tổng số nhiên liệu sử dụng 11.808 lít
 - o Tổng số nguyên vật liệu chính đưa vào sản xuất 2700 tấn.
- Các hoạt động quản lý năng lượng
 - o Thiết bị điện như đèn chiếu sáng, điều hòa không khí, quạt... được thiết kế để tiết kiệm năng lượng được sử dụng trong văn phòng và nhà máy.
 - o Các cảm biến và tính giờ được sử dụng để tắt thiết bị điện không cần thiết trong khu vực liên tục sử dụng như phòng họp, khu vực lưu trữ và phòng làm việc.
 - o Khuyến khích nhân viên thực hiện tiết kiệm năng lượng, có bảng thông báo để nhắc nhở tắt đèn và máy điều hòa không khí.



ED.2 - Các hoạt động tái chế:

- Các chỉ tiêu về hoạt động tái chế
 - o Tổng trọng lượng hạt nhựa tái sinh là 487 tấn.
 - o Tổng sản phẩm bao bì nhựa sử dụng hạt tái sinh 650 tấn
 - o Bao bì giấy được sử dụng từ nguồn phế phẩm in.
 - o Bao bì nhựa cho ấn phẩm được sử dụng từ nguồn phế phẩm nhựa.
- Đặc biệt, Công ty đã có chương trình Thu gom và tái chế túi ni-lông cũ đã qua sử dụng, kêu gọi mọi người mang túi ni-lông cũ để đổi các loại túi thân thiện môi trường, túi phân hủy sinh học, túi vải không dệt...nhằm tạo cho người tiêu dùng thói quen giảm sử dụng các loại túi ni-lông thông thường, chuyển sang dùng túi tự hủy để bảo vệ môi trường sống.
- Nhằm giảm rác thải ra ngoài môi trường Công ty đã tiến hành thu gom phế liệu từ các tổ sản xuất và các túi ni lông sạch từ khách hàng về tổ tái sinh nhằm tái chế lại thành các hạt nhựa. Tại nơi sản xuất: Thu hồi phế liệu từ quá trình thổi, quá trình cắt... bị lỗi về tổ tái sinh. Đối với người tiêu dùng: Tiến hành đổi số lượng không hạn chế túi ni lông đã được làm sạch để lấy túi ni lông mới và chuyển túi ni lông của người tiêu dùng về tổ Tái sinh. Đối với khách hàng mua sản phẩm túi ni lông phân hủy sinh học ALTA: khi túi tới thời gian chuẩn bị phân hủy mà khách hàng chưa sử dụng hết, công ty sẽ thu hồi lại từ khách hàng.
- Phương pháp tái chế: Túi ni lông được thu hồi từ các nguồn nói trên sẽ được tập kết tại khu vực tổ Tái Sinh của Công ty để tái chế thành hạt nhựa tái sinh.

e. Chỉ tiêu EE - Lựa chọn nhà cung ứng

EE.1 – Lựa chọn nhà cung ứng

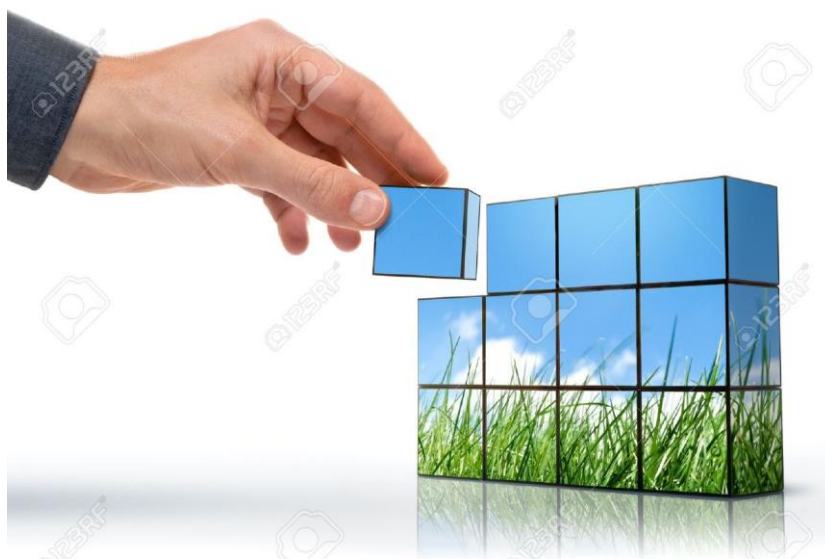
- Công ty đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng theo hướng thân thiện môi trường theo các tiêu chí
 - o Công nghệ hiện đại không gây ô nhiễm môi trường.
 - o Môi trường lao động tốt.
 - o Nguyên liệu cung cấp không gây hại cho sản phẩm và người tiêu dùng.

7. Chỉ tiêu phát triển bền vững về Xã hội (S)

a. Chỉ tiêu SA – Sản phẩm, dịch vụ đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng

SA.1 – Sản phẩm và dịch vụ

- Công ty đã ban hành các qui trình ISO trong sản xuất sản phẩm, trong cung cấp dịch vụ để bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.
- Sản phẩm bao bì nhựa của công ty đạt tiêu chuẩn BRC - BRC là tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (British Retailer Consortium-BRC) thiết lập vào năm 1998, thích hợp cho việc kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm.
- Do đó trong năm 2018 công ty không có sản phẩm bị trả về vì lý do ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn của khách hàng.



b. Chỉ tiêu SB – Nguyên tắc sử dụng lao động

SB.1 – Tuyển dụng lao động

- Phương pháp tiếp cận để tuyển dụng lao động:
 - o Tuyển dụng từ nguồn lao động dự trữ - thông báo tuyển lao động tại chỗ cho công việc khác.
 - o Thông báo tuyển nhân sự tại khu vực, địa phương.
 - o Đưa ra các khoản thưởng khuyến khích nhân viên trong Công ty giới thiệu nhân viên sản xuất.
 - o Liên hệ với các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn nhận sinh viên thực tập và tuyển dụng sinh viên mới ra trường nhằm trẻ hóa đội ngũ lao động của công ty.
 - o Chủ động tuyển dụng thông qua mạng online và các trang web tuyển dụng: timviecnhanh.com, chotot.com, muaban.net,....
- Các tiêu chí tuyển dụng: tay nghề, đạo đức, tư cách, trình độ, sự trung thực, lòng nhiệt thành, sự phù hợp với công việc...
- Một số ưu tiên tuyển dụng: người địa phương, dân tộc thiểu số, trẻ tuổi, kinh nghiệm chuyên môn, người được nhân viên hoặc cổ đông giới thiệu...

- Bảng khảo sát tỷ lệ người lao động tại công ty

Các chỉ tiêu	Nhóm tuổi		Giới tính		Khu vực	
	Dưới 30	Trên 30	Nam	Nữ	Tp. HCM	Khác
Tuyển mới	95	11	73	33	20	86
Cấp quản lý (Từ Tổ trưởng trở lên...)	3	22	15	10	3	22
Tổng số Người lao động	161	96	169	88	60	197

SB.2 – Phòng chống lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

- Công ty kiên quyết không sử dụng lao động trẻ em và không chấp nhận bất cứ hình thức lao động cưỡng bức nào trong hoạt động của mình. Nếu phát hiện việc sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức tại đơn vị / bộ phận nào thì cấp quản lý sẽ bị buộc thôi việc.

SB.3 – Sức khỏe và an toàn lao động

- Công ty ban hành đầy đủ các qui định về An toàn lao động - Vệ sinh lao động - Nội quy lao động cho Người lao động.
 - o Thiết lập các chính sách và hướng dẫn để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người lao động tại nơi làm việc. Tổ chức huấn luyện đào tạo định kỳ về An toàn LĐ - Vệ sinh LĐ - Nội quy LĐ cho Người lao động.
 - o Công ty có trách nhiệm cung cấp trang bị đầy đủ về Hệ thống PCCC và các dụng cụ Bảo Hộ Lao Động phù hợp theo yêu cầu từng loại công việc (như quần áo, găng tay, giày dép, nón mũ....).
 - o Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
 - o Có đầy đủ các văn bản hướng dẫn về An toàn LĐ - Vệ sinh LĐ - Nội quy LĐ cho Người lao động làm việc tại các máy móc, thiết bị ở khu vực sản xuất hay tại các khu vực có khả năng xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ.
 - o Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho Người lao động ít nhất 01 lần trong năm.
 - o Phải khắc phục ngay các nguy cơ không an toàn trong sản xuất - kinh doanh khi đã được báo cáo những trục trặc về máy móc thiết bị ở nơi làm việc có thể gây ra tai nạn lao động hay bệnh nghề nghiệp cho Người lao động.
 - o Bảo đảm tuân thủ các qui định ưu tiên cho lao động nữ.

SB.4 – Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Trong năm công ty đã có 18 đợt đào tạo cho tổng số 168 lượt người lao động bao gồm cả các cấp quản lý.

- o Nội dung đào tạo:
 - o Luật BHXH, Luật lao động
 - o Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động
 - o Đào tạo ISO căn bản 9001 – 2015 cho tất cả các nhân viên

- Huấn luyện an toàn vệ sinh thực phẩm
 - Đào tạo hướng dẫn kiểm tra hàng túi xếp cho tổ KCS
 - Đào tạo hướng dẫn cách kiểm hàng + vận hành MMTB
 - Huấn luyện PCCC 2018
 - Đào tạo về chuyên môn bộ phận Lập Trình
 - Đào tạo kỹ năng mềm cho nhân viên văn phòng
 - Đào tạo vẽ Auto-Card bộ phận Kỹ Thuật
- Toàn bộ chi phí của các khóa đào tạo trên do công ty chi trả.
 - Tỷ lệ tổng số người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển chuyên môn là 100%.
 - Tỷ lệ tổng số người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển chuyên môn là 80%.



SB.5 – Lương thưởng

- Tiền lương
 - Công ty và Người lao động cùng thỏa thuận trong Hợp đồng lao động về Tiền lương hàng tháng của Người lao động căn cứ vào yêu cầu - hiệu quả - chất lượng theo Bảng Mô tả công việc, song tiền lương trả Người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước qui định. (Mức lương tối thiểu của Vùng 1 năm 2018 là 3.980.000đ, Năm 2019 là 4.180.000đ).
 - Người lao động có quyền được biết rõ các khoản trong lương thực lãnh cùng lý do khấu trừ vào lương (nếu có).
 - Người sử dụng lao động được nâng bậc lương theo Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty.
- Khen thưởng
 - Công ty thực hiện chế độ xét khen thưởng thi đua đối với Người lao động theo Quy chế thi đua và khen thưởng của Công ty đã qui định và ban hành hoặc xét thưởng thành tích dựa trên kết quả hoàn thành chỉ số KPI.
 - Ngoài ra Người lao động có thể được khen và lĩnh thưởng đặc biệt hay đột xuất đối với trường hợp có thành tích xuất sắc và có sáng kiến, sáng tạo khoa học, tiết kiệm trong công tác hoặc trong lao động sản xuất có hiệu quả cao, làm lợi cho Công ty.

- Các tỷ lệ về lương và khen thưởng

- o Mức thu nhập bình quân qua các năm:

TT	Năm	Mức lương bình quân
1	2012	4.012.570
2	2013	4.185.806
3	2014	5.449.524
4	2015	6.323.392
5	2016	7.082.200
6	2017	7.940.000
7	2018	8.314.000

SB.6 – Lao động thuê từ cộng đồng địa phương

- Công ty ưu tiên tuyển nhân lực tại địa bàn hoạt động bằng các chính sách

- Thông báo tuyển dụng được gửi đến các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn để tuyển dụng sinh viên mới ra trường.
- Đưa ra các khoản thưởng khuyến khích nhân viên trong Công ty giới thiệu nhân viên sản xuất.
- Dán thông báo tuyển dụng tại cổng Công ty.
- Tỷ lệ tuyển dụng tại địa phương năm 2018 là 28%.

SB.7 Phúc lợi dành cho người lao động

- o Quỹ phúc lợi : Quỹ phúc lợi là một phần thu nhập được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lại cho BGD Công ty sử dụng nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân viên lao động Công ty.
- o Quỹ phúc lợi bao gồm: Quỹ Công đoàn dùng để chi hỗ trợ thực hiện các hoạt động Văn hóa Thể thao của các Đoàn thể và các hoạt động phúc lợi tập thể cho Người lao động như: hiếu, hỷ, ma chay, ốm đau.
- o Tặng quà hoặc tiền vào các ngày Lễ: Quốc tế Phụ nữ 8/3 (quà cho Phụ nữ).Tết Trung thu Quốc tế Thiếu nhi 1/6 (quà cho con người lao động từ 15 tuổi trở xuống).Ngày 22/12 thành lập Quân đội nhân dân (quà cho Bộ đội xuất ngũ).
- o Ban Giám Đốc Công ty cùng Công Đoàn thực hiện việc thăm hỏi, chăm sóc sức khỏe Người lao động làm việc tại Công ty. Trường hợp người lao động tham gia công đoàn thì thực hiện như sau:
- o Quỹ Phúc lợi: dùng để chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của Người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn
- o Tổ chức chúc mừng sinh nhật tập thể cho NLD sinh trong cùng tháng và tặng quà sinh nhật cho NLD làm việc 1 năm trở lên.
- o Tặng quà hoặc tiền vào ngày Tết Nguyên đán (quà cho tất cả Người lao động).
- o Tổ chức tham quan nghỉ mát cho Người lao động theo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng Đơn vị/Bộ phận và tùy thuộc khả năng quỹ phúc lợi trong năm.
- o Ban Giám Đốc Công ty hỗ trợ Trợ cấp khó khăn cho Người lao động khi Ban Chấp Hành Công Đoàn Công ty có đề nghị hợp lý.
- o Thưởng vào các ngày lễ lớn như: Tết dương lịch (01/01), lễ 30/4 và 01/05, lễ Quốc khánh 02/09 nhằm khuyến khích tinh thần làm việc cho nhân viên.
- o Tặng quà sinh nhật bằng tiền cho Người lao động làm việc tại Công ty đủ 1 năm trở lên.

- Hỗ trợ thực hiện các hoạt động phong trào Văn hóa Thể Thao Cộng đồng theo kế hoạch cụ thể.

c. Chỉ tiêu SC – Kinh tế

SC.1 – Giá trị kinh tế được tạo ra và phân phối

- Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra :
Doanh thu 156.505.952.367 đồng
- Giá trị kinh tế được phân phối
 - Chi phí hoạt động 149,010,959,614 đồng
 - Lương 30.528.932.292 đồng
 - Khen thưởng và phúc lợi 912.336.138 đồng
 - Các khoản thanh toán cổ đông 4.562.745.920 đồng
 - Các khoản thuế phải nộp 9.074.724.435 đồng
- Giá trị kinh tế được tích lũy 7.494.389.399 đồng

SC.2 – Hỗ trợ tài chính từ Chính phủ

- Năm 2018, công ty không có khoản nào được hỗ trợ tài chính từ chính phủ...

d. Chỉ tiêu SD – Chuỗi cung ứng

SD.1 – Các nhà cung cấp địa phương

- Công ty có chính sách ưu tiên sử dụng các nhà cung cấp địa phương tại khu vực TP.HCM.
- Tỷ lệ sản phẩm và dịch vụ đã mua tại địa phương trên tổng chi phí là: 100 %.
- Tỷ lệ các nhà cung cấp địa phương trên tổng số nhà cung cấp là 100%.

SD.2 - Chuỗi cung ứng

- Ưu tiên mua các sản phẩm và vật liệu đòi hỏi ít vận chuyển, đóng gói và lưu trữ và có thể tăng cường các mối quan hệ cộng đồng và thiện chí địa phương.
- Các sản phẩm mua với số lượng lớn và với ít bao bì để giảm đóng gói, bảo quản, vận chuyển và chi phí xử lý.
- Hàng năm bộ phận mua hàng của công ty phải tham quan, xem xét các nhà cung ứng để bảo đảm không có lao động bất hợp pháp cũng như các vấn đề xã hội trong chuỗi cung ứng.
- Ngoài ra công ty cũng ưu tiên lựa chọn nhà cung ứng thân thiện với môi trường, xã hội và cộng đồng.



e. Chỉ tiêu SE – Tác động đến cộng đồng và xã hội

SE.1 – Các chương trình phát triển cộng đồng

Công ty luôn tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển cộng đồng trong thời gian qua như:

- Chăm sóc, giúp đỡ một thương binh nặng tại địa phương.
- Tham gia các chương trình giảm thiểu sử dụng túi ni lông tại thành phố HCM.
- Tham gia các ngày hội tái chế của các quận huyện tổ chức...

SE.2 - Các dự án, cơ sở hoạt động có tác động tiêu cực với xã hội và cộng đồng

Công ty không có các dự án hoặc cơ sở hoạt động nào có tác động tiêu cực với xã hội và cộng đồng.

f. Chỉ tiêu SF – Tuân thủ quy định

SF.1 – Tuân thủ các quy định về ảnh hưởng cộng đồng và xã hội

- Ý thức trách nhiệm của mình, công ty quan tâm hàng đầu đến việc tuân thủ các quy định về ảnh hưởng môi trường, cộng đồng và xã hội.
- Trong năm qua công ty không có trường hợp nào mà bên thứ ba khiếu nại và yêu cầu bồi thường.

SF.2 – Các khoản tiền phạt

- Năm hoạt động vừa qua công ty không có khoản tiền phạt nào vì không tuân thủ pháp luật và các quy định về cộng đồng và xã hội.

8. Chỉ tiêu phát triển bền vững về Quản trị công ty (G)

a. Chỉ tiêu GA – HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Điều hành

GA.1 – HĐQT

- Công ty đã ban hành các văn bản quy định để thể chế hóa hoạt động vận doanh của công ty.
 - Điều lệ công ty
 - Quy chế quản trị công ty
 - Quy chế tổ chức
 - Quy chế HĐQT, BKS
 - Trong quy chế HĐQT có quy định về cơ cấu tổ chức, các yêu cầu tối thiểu, chính sách bổ nhiệm/bãi nhiệm, thù lao của HĐQT.
 - Quy chế tài chính

- Chuyên môn và kỹ năng của các thành viên HĐQT phù hợp với trách nhiệm được phân công.
- HĐQT đã họp tổng số 9 cuộc họp trong năm.
- Tỷ lệ thành viên độc lập là 20%.
- Tổng giá trị các khoản thù lao của HĐQT là 300 triệu đồng chiếm tỷ lệ 4% trên lợi nhuận năm 2018 công ty.

GA.2 – Ban kiểm soát

- Trong qui chế BKS có qui định về cơ cấu tổ chức, các yêu cầu tối thiểu, chính sách bổ nhiệm/bãi nhiệm, thù lao của BKS.
- BKS áp dụng các tiêu chí sau để đánh giá hoạt động của HĐQT và BDH
 - o Tình hình thực hiện kế hoạch.
 - o Kết quả hoạt động kinh doanh.
 - o Các chỉ tiêu khác như: lao động, tiền lương, các khoản bảo hiểm, thu nhập, quản trị điều hành, quản trị tài chính...
- BKS đã họp tổng số 04 cuộc họp trong năm.
- BKS có một thành viên là Luật sư và một Kế toán.

GA.3 Ban Điều hành

- Trong qui chế tổ chức có qui định về cơ cấu tổ chức, các yêu cầu tối thiểu, chính sách bổ nhiệm/bãi nhiệm, chính sách lương thưởng của BDH..
- Hàng năm năm một lần HĐQT trình đại hội cổ đông định hướng phát triển công ty trung và dài hạn của công ty.
- Tổng giá trị các khoản lương , thưởng của BDH năm 2017 là 1.921.231.963 đồng

b. Chỉ tiêu GB – Quản trị rủi ro

GB.1 – Quản trị rủi ro

- Công ty luôn nhận diện và xác định các rủi ro tiềm ẩn trong quá trình hoạt động như: rủi ro về tỷ giá, lãi suất vay ngân hàng, rủi ro về sự thay đổi của pháp luật, rủi ro bất khả kháng.
- Hàng năm HĐQT công ty trong báo cáo hoạt động quản trị luôn dự báo về những rủi ro cũng như các trường hợp hi hữu có thể xảy ra và đưa ra các giải pháp phòng chống tích cực.
- Hoạt động khắc phục và phòng ngừa luôn được thực hiện và kiểm soát tốt suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Các thành viên HĐQT và BDH đã tham gia các khóa học cũng như hội thảo về Quản trị rủi ro.

c. Chỉ tiêu GC – CBTT và minh bạch

GC.1 - CBTT và minh bạch

- Công ty tuân thủ các quy định về công bố thông tin định kỳ và bất thường, bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời và minh bạch đến cổ đông và các nhà đầu tư.
- Tất cả báo cáo tài chính cũng như công bố thông tin đều được cập nhật trên trang thông tin điện tử www.alta.com.vn.
- Năm 2018, công ty không có vi phạm về công bố thông tin.

d. Chỉ tiêu GD – Cổ đông

GD.1 – Quyền cổ đông và đối xử bình đẳng đối với cổ đông

- Công ty luôn bảo vệ quyền của tất cả các cổ đông, bảo đảm đối xử bình đẳng với các cổ đông lớn & nhỏ, cá nhân & pháp nhân, trong nước & nước ngoài...thông qua các chỉ tiêu đánh giá như sau:
 - o Chi trả đầy đủ cổ tức năm 2017 vào ngày 29/9/2018
 - o Số ngày từ lúc chốt sổ cổ đông được nhận cổ tức đến ngày nhận cổ tức là 15 ngày.
 - o Bản báo cáo tài chính năm luôn được công bố bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt.
- Số lượng cổ đông lớn và tỷ lệ nắm giữ đã được trình bày chi tiết ở phần trên của báo cáo thường niên.

e. Chỉ tiêu GE – Sản phẩm và dịch vụ

GE.1 – Chất lượng sản phẩm và dịch vụ

- Chính sách chất lượng của công ty về bảo đảm chất lượng sản phẩm đã nêu rõ:
 - o Xây dựng – duy trì và liên tục cải tiến hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Cam kết tạo ra sản phẩm chất lượng bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.
 - o Kiểm soát nghiêm túc các quy trình sản xuất và dịch vụ để gia tăng uy tín thương hiệu và bảo đảm hiệu quả vận doanh.
- Từ ngày thành lập đến nay công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư các sản phẩm mang lại những tác động tích cực cho khách hàng, môi trường và cộng đồng như: khăn giấy ướt thơm Luxta sử dụng một lần, bao bì tự phân hủy, bao bì Alta thân thiện môi trường, túi xách non woven, túi rác thơm khử trùng Oxo, tấm trải đa năng Neat bảo vệ môi trường.
- Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm và dịch vụ:
 - o 100% tỷ lệ danh mục sản phẩm và dịch vụ được đánh giá về chất lượng và độ an toàn trước khi đến tay khách hàng.
 - o Các sản phẩm như khăn giấy, bao bì... đều được test chất lượng về hàm lượng kim loại..
 - o Các loại bao bì tiếp xúc với thực phẩm đều có giấy chứng nhận an toàn khi tiếp xúc với thực phẩm của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Tp. HCM.
 - o Các dịch vụ giải trí của công ty luôn bảo đảm Phòng cháy chữa cháy, kiểm tra độ an toàn và khách tham gia đều có bảo hiểm rủi ro.
- Trong năm công ty không có vụ việc nào vi phạm, bị khiếu nại hoặc bị phạt về tác động không tốt của sản phẩm đến khách hàng, môi trường

GE.2 – Thông tin tiếp thị của sản phẩm và dịch vụ

- Các thông tin về công năng, chất lượng, hướng dẫn và hạn sử dụng đều được công bố trên bao bì của sản phẩm.
- Trên bao bì của sản phẩm còn có logo được Cục Môi trường cấp phép cũng như dấu hiệu tái chế sản phẩm.

f. Chỉ tiêu GF – Tuân thủ các qui định

GF.1 – Tuân thủ các qui định về phòng chống hối lộ, tham nhũng và rửa tiền

- Công ty yêu cầu tất cả các thành viên đều phải ký cam kết về việc tuân thủ quy tắc ứng xử trong kinh doanh, giao dịch như sau:
 - o Cam kết không nhận các khoản hoa hồng, chiết khấu của Khách hàng, Đối tác và Nhà cung cấp... dưới bất kỳ hình thức nào.
 - o Tuyệt đối không lạm dụng chức vụ, quyền hạn; có hành vi tiêu cực, thiên vị, móc ngoặc với Khách hàng, Nhà cung cấp, các Đối tác kinh doanh...nhằm mang lợi ích cho cá nhân.
 - o Không được sử dụng bất kỳ quyền đại diện nào mà bản thân có được trong thời gian làm việc tại Công ty vào các mục đích đem lại lợi ích cho cá nhân hoặc cho người/ tổ chức khác dẫn đến thiệt hại cho Công ty, Đối tác, Khách hàng của Công ty.

GF.2 – Các vụ tham nhũng và các biện pháp đã triển khai

- Công ty không chấp nhận mọi trường hợp tham nhũng, hối lộ và rửa tiền. Mọi cá nhân và tập thể vi phạm đều bị kỷ luật và xử lý.

GF.3 – Cạnh tranh lành mạnh

- Công ty không sử dụng các biện pháp cạnh tranh không lành mạnh trên thương trường, tuyệt đối không sử dụng giá thấp không hợp lý để tranh giành khách hàng.
- Tiêu chí cạnh tranh của công ty là sản phẩm phải khác biệt và chất lượng hơn.

GF.4 – Các khoản tiền phạt.

- Trong năm công ty không có vi phạm cũng như các khoản phạt nào liên quan đến việc không tuân thủ luật pháp và qui định về quản trị.

